VĂN HỌC
Nghệ thuật

SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH

Số 13
NĂM 1979

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm : Võ-Phiến
Chủ bút : Lê-tất-Điều
Giám đốc Trị sự : Trần đình Long

Tòa soạn :
P.O. Box 486, Westminster, Ca. 92683 USA.

MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH :		
* Triết lý và thời cuộc	Hoàng minh Kính	3
SÁNG TÁC :		
* Là biết xa ngăn trùng	Lôi Tam	11
* Xóm nghèo	Hoàng ngọc Ẩn	18
* Phục vấn	Trúc Chi	19
* Ngậm ngùi	Thi Vũ	19
* Bây giờ tháng mấy	Nguyễn thị Ngọc Liên	20
* Nhập	Cao Tiểu	30
* Đêm ta nằm mộng	Võ đình Tuyết	31
* Gia đình	Lê phục An	31
* Nhà trọ	Lê thị Huệ	32
* Nắng vàng quê hương	Đào Nguyên	52
* Mai ta xuống núi	Nguyễn qui Nhơn	52
* Tình thơ giao cảm	Xuân Hiến	53
* Bài mưa cho mây Hạ	L. Trần	54
TÀI LIỆU :		
* Văn học dân gian truyền khẩu	Nguyễn Diếm	55
VĂN CŨ QUÊ XƯA :		
* Ế ị	Võ Phiến	65
* Bài hành phương Nam	Nguyễn Bính	72
* Tuổi thơ u ẩn	Nguyễn mông Giác	82
VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI :		
* Ế ị	Võ Đình dịch	74
THỜI SỰ		
* Thời sự văn hóa	Thạch Tâm	90
* Lời giã biệt	VHNT.	
PHỤ BẢN :		
* Tranh Ngọc Dũng.		

TRIẾT LÝ và thời cuộc

HOÀNG MINH KÍNH

Một tin động trời.- Tạp chí U.S. News số 21 tháng 5-1979 vừa dóng lên một hồi chuông báo động ghê hồn: "Vào khoảng từ ngày 17 tháng 6 này cho đến 02 tháng 7, nhất là vào ngày 23/6, cái phòng thí nghiệm (Skylab) nặng 79 tấn sẽ từ trên không rơi sập xuống trái đất. Những mảnh vỡ của nó có thể gây nguy hiểm cho 90% dân số thế giới. Cơ quan NASA phóng nó lên từ năm 1973, tưởng chừng nó "thọ" 10 năm, nay bỗng chốc nó thoát ra ngoài vòng điều khiển của các nhà không gian học... " Liệu trong vòng vài tuần nữa người ta còn kịp đưa nó rơi tõm tại ngoài đại dương xa những nơi đông

dân cư không ? Hy vọng ấy rất mong manh như sợi tóc. Thế kỷ này đang tiến tới miệng vực thẳm:chết !

Thế kỷ XX phá kỷ lục về thảm sát.-- Qua mấy thế-kỷ 18, 19, các phát minh khoa học đưa con người lên làm chủ nhân ông của thiên nhiên, (maître et possesseur de la nature) (Descartes). Người ta sùng bái khoa học: " Khoa học vạn năng !" và tôn thờ " lý trí". Nay " Khoa học vạn ác !" Kể từ ngày phát minh ra các loại bom nguyên tử (1945) và từ ngày lý trí phối hợp với nhà nước (Etat) đã thiết lập đủ loại độc tài (phát-xít, cọng-sản,, quân phiệt). Khát máu hơn Dracula hay Hoàng-tinh đỏ mở. Xin phép đưa ra vài con số rất hùng hồn: Riêng chết về Thế-Chiến II là 40 triệu người. Riêng chết dưới chế độ độc tài Cọng sản từ Nga qua Tàu đến Cao-miên (không kể binh sĩ ngoài mặt trận) (theo con số của Figaro Magazine 25/11/1978) là 150 triệu người. Tổng số 190 triệu sinh mạng. Rùng rợn chưa ? Bằng tổng số dân của cả nước Mỹ ! Và hiện nay các vụ thảm sát vẫn còn tiếp diễn tới ngày tuyệt diệt: đang chết ở Ba-Tư, ở Li-ban, Mỹ Latinh, ở Châu Phi,dưới đáy bể Việt Nam và trong các trại học tập, các "goulag" và hầm mỏ ở Nga-Sô... Vì loài người ăn thịt lẫn nhau. Một triết gia trẻ đã viết: Chúng ta bước vào một thời kỳ " Mặt vẫn người nhưng lòng rất man rợ" (Barbarie à visage humain' (B.H. Lévy). Chả hạn: Mao võ ngực là triết nhân, đã giết hơn 6 triệu; Pol-pot, một cựu sinh viên Ba-Lê đã giết hại hai triệu dưới chiêu bài giải phóng dất nước; Staline giết 17 triệu với khẩu hiệu ái quốc:"Chủ nghĩa xã-hội trong một quốc gia" Đã chết, còn chết và sẽ chết. Nhất là trong các chiến tranh giữa Cọng sản với Cọng sản. " Rút cuộc kẻ đại thắng cuối cùng là thần chết" Staline nói với De Gaulle như vậy. Phải chăng đây là một lời tiên tri hay một ý thức hệ mới: Idéologie de la mort ? Ý hệ " chết" đang thể hiện ở Âu-Mỹ trong khoái lạc của thế hệ trẻ: tôi muốn nói tới nạn phá thai

hay họa diệt chủng.

Tại Âu Mỹ, số nhà thường phá thai sẽ nhiều hơn nhà hộ sinh.-- Từ Đức Giáo Hoàng đến các nhà dân số học đang lên tiếng cảnh cáo nạn " phá thai". Trong cuốn sách " Le sursis" và cuốn "La mémoire et le sacré" , Pierre Chaunu, một sử gia Pháp có nhiều tín nhiệm tại Anh Mỹ vừa kêu : " Chúng ta đang tiến tới ngày tận số. Nếu không có một cố gắng tập thể và phi thường (miracle de volonté) dân Pháp sẽ tuyệt diệt trong 10 năm nữa. Ngày nay, thanh niên chỉ muốn tận hưởng trong hiện tại, sợ sinh đẻ, sợ nuôi con. Tình dục quá tự do, quá phóng túng. Họ quên hết nhiệm vụ lập gia đình để nối giõi tông đường. Họ vờ " điếc" trước lời dạy của truyền thống như " Hãy sinh sôi nảy nở đi: Croissez et multipliez - vous" hay như bên Việt nam ta " Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại". Khi tôi viết trang này thì được tin: tại Ba-lê sẽ tổ chức một cuộc hội nghị thảo luận về " Phá thai ". Còn ở Los Angeles, mấy ông hiệu trưởng tiểu học đang lo thiếu sĩ số vào kỳ nhập học tới và một số cô giáo có lẽ sẽ bị thất nghiệp. Tôi bắt đầu hiểu: Tận thế nghĩa là nhân loại sẽ tuyệt diệt, nhưng dần dần chứ không phải đùng một cái, khi bom H nổ hay động đất rung hay hỏa diệm sơn phun. Tạm gọi " Tận thế thầm lặng: apocalyse silencieuse" Nó đang đào hố dưới bàn chân nhảy múa của các cô cậu sống không ngày mai. Một cuộc thi đua vui vẻ để tự sát tập thể.

Khúc đồng ca " Chết " vang lên từ muôn ngả.-- Tiếng kêu cấp cứu nghẹt ngào không phải lẻ tẻ của một cá nhân như P. Chaunu. Cũng không phải vừa vang lên từ đầu năm nay, giữa các tiếng bom đạn trong chiến tranh Việt-Hoa, Ba-Tư, Trung Đông. Đã khá lâu, những điệp khúc đồng ca bi ai, từ các ngả, đã báo hiệu cái chết

tập thể về tinh thần.

Trước hết trong giới sinh viên đã sớm bị ám ảnh. Năm 1968, các sinh viên nổi loạn đạp đổ các tín ngưỡng, các giá trị tinh thần cũ, trên một bức tường của Đại học Sorbonne, sau một " Đêm đỏ" người ta đã nửa cười nửa khóc đọc thấy mấy dòng chữ cáo phó của những khuynh hướng khác nhau viết lem nhem vội vàng như thư tuyệt mệnh:

– Thượng đế đã *chết* (Nhóm vô thần, đồ đệ của Marx, Nietzsche, Sartre...)

–– Kẻ giết Thượng đế sẽ *chết* (Nhóm Tân Triết).

– K. Marx đã *chết*

– Con người đã *chết* trong khoa học nhân văn (Nhóm Cơ Cấu).

– Con người đã *chết* trong tiểu thuyết (Nhóm Tân Tiểu Thuyết).

– Tác giả *đã chết* (Tân phê bình loại trừ vai trò của tác giả).

Thứ đến những sách của một số triết gia, văn gia từ những khuynh hướng và chân trời khác nhau nhưng vẫn đồng thanh kêu cấp cứu.

Bài báo này trong khuôn khổ hạn chế không cho phép nhắc lại mấy tập cũ rất có ý nghĩa " Chết".Ví dụ:

– Tập *L'eclipse de Dieu (Bóng Thượng Đế đã lu mờ)*, của triết gia người Áo, MartinBuber.

– Tập *L'eclipse de la Raison (Lý trí lu mờ)* của triết gia người Đức Horkheimer.

Cách đây vài năm, trong đám mây " Lu mờ", nhân loại hãy còn thấy thấp thoáng đôi tia sáng Hy Vọng. Hôm nay, ánh sáng Hy-Vọng cũng bắt đầu lu mờ dần đi. Trong số sách vừa xuất bản (1979) vài tiếng kêu cuối cùng trước ngày tiêu diệt nghe bi thống hơn, tựa như

tiếng thất thanh, tuyệt vọng của kẻ đang từ biệt cõi đời trên giường chết.

Tập I của Gérard Mendel (Pháp).– Ông chuyên về tâm lý xã hội đã nổi tiếng khi phân tích vụ xung đột giữa các thế hệ hay khi ông dung hòa thuyết cơ cấu với tâm phân học. Trong tập mới in, *Quand plus rien ne va de soi (Nguy quá, hỏng mất cả rồi)*, ông ví nhân loại ngày nay như một chiếc tàu ma (un vaisseau fantôme) không có ai cầm lái cả. Người cha, chủ chốt của gia đình; vị giáo chủ lèo lái cho xã hội, nay đều vắng sạch và phó mặc con thuyền loài người phiêu lưu giữa biết bao nhiêu điều bất trắc luôn luôn xảy tới. Thời chúng ta sẽ trôi giạt và tận thế !

Tập II của Jérôme Deshusses (Thụy Sĩ).– Tập *" Délivrez Prométhée"* miêu tả một chủ nhật ở Thụy Sĩ dưới mầu sắc Tận Thế: " từng đoàn xe chạy dưới cửa sổ nhà tôi, chở đầy các tấn chất hóa học mang đổ vung vãi ra khắp cánh đồng, khu rừng, nhiễm độc không khí, cây cỏ, súc vật, loài người". Cái xã hội kỹ nghệ vừa phi phạm, vừa gây ra chiến tranh, nạn đói giật chúng ta tới một địa ngục (géhenne) trần gian nghĩa là dồn vào cái ngõ cụt: Tận Thế.

Tập III của Arthur Koestler (nhà văn Anh, gốc Hung chống Cộng).– Đây là một nhà văn, ngôi sao sáng quốc tế Xưa ở Sài gòn chúng ta đã đọc " Le zéro et l'infini". Sau khi bị tù đầy dưới chế độ độc tài Cọng sản, Franco, ông lưu vong qua Đức, Pháp, nay về định cư ở Luân Đôn. Số lớn tác phẩm của ông đều viết bằng tiếng Anh. Tập " Janus" có một cái nhìn rất bi quan về tương lai: " Chúng ta ngày nay không khác gì một đoàn thanh niên tội lỗi bị giam trong một cái phòng đầy chất nổ và được người ta trao cho hộp quẹt và bảo đừng có dùng diêm" Nghĩa là: sớm muộn chúng ta sẽ chết hết, tất cả văn minh lịch sử thế giới chôn vùi theo. Nhất định không sao thoát khỏi nạn diệt vong " nhân tạo".

– Nguyên nhân ?

– Hai nguyên nhân chính. Một: mỗi khi đã tìm ra khí giới như bom nguyên tử, sớm muộn sẽ xử dụng. Hãy nhìn vào lịch sử: không có khí giới nào sáng chế mà lại bỏ xó, vô dụng.– Hai: là vì tính hiếu sát (agressivité) của tập đoàn nhân loại. Cá nhân vốn không thích giết hại đồng chủng; binh lính chiến đấu là vì bắt buộc. Nhưng ngày nay, nhân loại đã *biến tính,* đã thích giết nhau vì để trung thành với đảng, với tổ quốc, với ý thức hệ, với khẩu hiệu chính trị. Hãy bỏ tuyên truyền, bỏ biểu tình, bỏ hô hào khẩu hiệu hiếu chiến đi ! Nhưng làm gì còn thời giờ ! Nghĩa là hãy quy tội cho khoa học ?

Xin đừng nhìn phiến diện ! Ở thế kỷ VI trước Thiên Chúa, dân Hi lạp đã phát minh ra khoa học nhưng đồng thời cũng nảy ra những dòng Triết hiếu hòa của Lão Trang, của Đức Phật v.v... Trái lại, ngày nay, khoa học đã tối tân, quỹ quốc phòng ngày một gia tăng, chúng ta lại có Hitler, Mussolini, Staline và Mao. (Nên nhớ: Mao đã khoe mình giết 1000 lần hơn Tần-thủy-Hoàng).Tận số là cái chắc !

" *Đảo ánh sáng*" báo điềm gì đấy ? .– Trong khi chúng ta mãi lo mua sắng, tìm việc làm sợ nạn lạm phát từng giờ từng phút, các tin và sách báo trên đã dội vào lòng ta những hồi chuông cảnh tỉnh. Tuy không hoàn toàn tin, nhưng :.cái nạn chiến tranh nguyên tử phải nhận đó là một thực tại hiển nhiên; cuộc khủng hoảng tinh thần, tiền tệ và nhiệt lượng đã là những thực tế xáo trộn cuộc sống hàng ngày. Để bước ra khỏi gian đoạn này, loài người nếu không bị tiêu diệt, ít ra cũng hao tổn số lớn nhân mạng. Các cụ ta xưa thường khuyên: phải biết nhìn vào thực tế mới tìm được cái sống trong cái chết." Mấy chục vạn đồng bào vượt biển đã đi tìm cái sống trong cái chết. Lòng hy sinh và dũng cảm đã cứu sống được phần để " nối dõi tông đường." Nhất là đã đánh thức được

lương tâm loài người. Chiếc tàu " Đảo Ánh Sáng "– trước kia mang tên Méduse – tượng trưng cho việc " hồi tỉnh" của nhân loại trước tai nạn chung. Vài tờ báo ở đảo Noumea báo tin sẽ có thêm hai chiếc tàu nữa: một (tàu Fatima) của Úc, một (chưa biết tên) của Tây Đức sẽ tham gia cứu vớt. Trùng hợp kỳ diệu hay Trời Phật báo trước : Khi tàu Ile de lumiere vừa tới Mã Lai, một bà mẹ có chửa chắc 95% chết với cái bào thai, thì các bác sĩ từ trên tàu nhảy xuống đỡ đẻ kịp thời và cứu cả đôi. Tất cả những người di cư xúm lại hoan hô các bác sĩ. Bà mẹ được linh ứng – đặt tên cho con gái sơ sinh: "Đảo Ánh Sáng" một cái tên bao hàm vừa ý nghĩa tri ơn vừa ý nghĩa tượng trưng. Tượng trưng lịch sử Dân tộc Việt nam mỗi khi dồn vào chỗ chết, biết vùng dậy bảo tồn về sau những " hạt máu cuối cùng." Xưa cuộc Nam-tiến tổn hao hy sinh qua rừng qua núi, từ Bắc vào Nam, nay vượt trùng dương để bảo toàn giống nòi. Trên đường " Vạn lý Nam tiến" có một hiện tượng liên tục qua bốn ngàn năm. Những mốc lớn đánh dấu các chặng đường đều mang tên phụ nữ:

– Âu Cơ (Bắc Việt)
– Trần Huyền Trân, Ngọc Liên và Ngọc Đỉnh (Trung Việt)
– Ngọc Vạn và Ngọc Khoa (Nam Việt)
– Đảo Ánh Sáng (Mã Lai, năm 1979)

– Hồng Hạnh (ảnh và tên trên báo Mỹ tại trại Fort Chaffee tháng 5 năm 1975). Không biết trong số 982 người và 193 người vừa được vớt trong tháng 5/1979 do hai tàu của Hoàng gia Anh, tàu Sibouza và tàu Roachbank (theo Express, Paris, số 1456 tháng 6/1979) có ra đời thêm một em gái sơ sinh Việt nam nào nữa không ? Dù cái phòng thí nghiệm Skylab của Mỹ có rơi và gây chết chóc, thế nào một số dân Việt nam và một số dân thế giới cũng thoát nạn và với pho kinh nghiệm đau thương và đầy

tang tốc cũng đưa nhân loại tới một chỗ nghẹo lịch sử mới: trong cái chết vẫn nẩy ra mầm sống mới, văn minh mới, quan niệm nhân sinh mới.

HOÀNG MINH KÍNH

Ghi chú của tòa soạn.— Bài này tác giả viết xong trong tháng 6—79, khá lâu trước ngày phòng thí nghiệm không gian rơi đến địa cầu.

V.H.N.T.

SÁCH DO "NGƯỜI VIỆT" XUẤT BẢN :

* TRUYỆN KIỀU của Nguyễn-Du	$ 3.70
* LY HƯƠNG của Võ-Phiến và Lê-tất-Điều	3.50
* THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	(hết)
* NGƯNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê-tất-Điều	3.70
* ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ-Phiến	(hết)
* KISSINGER TRONG BẪY SẬP của Phạm-kim-Vinh	6.20
* NGUYÊN VẸN của Võ-Phiến	6.50
* THƠ CAO TẦN của Cao-Tần	2.50
* ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN của Lê-tất-Điều	4.00
* LẠI THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	4.00

Thư từ và chi phiếu xin đề :

Mrs. Ngô Hồng Phúc
P.O. Box 486
Westminster, Ca. 92683

LÀ BIẾT XA NGHÌN TRÙNG

LÔI TAM

Thiệu biết rằng rồi chung sẽ mất Diễm. Những buổi sáng đầu mùa xuân ở vùng này trời thường có sương mù. Những lớp sương tan đi thật chậm trong khi nắng đã chói sáng trên cao. Diễm đến với chàng trong một buổi sáng có sương mù đó. Nàng như con chim bị thương chợt đến với chàng để rồi sẽ đột ngột rồi xa chàng. Sau một cuộc tình tan vỡ, hình ảnh người tình cũ và những kỷ niệm nồng nàn vẫn chiếm trọn sự tưởng nhớ của Diễm. Như khoảng trời xanh, tia sáng ấm và vùng cây lá ngút ngàn trong trí nhớ của con chim nhỏ.

Một lần nào đó trong những ngày mới quen, Diễm đã nói với Thiệu điều nàng nghĩ. Chuyện tình giữa Thiệu và nàng rồi sẽ không đi đến đâu và Diễm lo sợ cho chính nàng, cho những đam mê có thể sẽ chợt thức dậy, dẫn dắt

đến những phiền muộn mới.

Buổi sáng hôm đó là lần đầu tiên Thiệu hôn Diễm. Đôi môi mềm của người con gái ngừng lại một giây, đắm đuối dưới môi chàng rồi vụt lẩn đi. Sự trốn lánh thảng thốt. Giá mà... Một chút băn khoăn trong lời Diễm, Thiệu biết nàng có lý nhưng ý nghĩ mất Diễm gây đau xót nơi chàng.

Sáng hôm đó, Thiệu đưa Diễm đến một thị trấn ven biển. Sương mù phủ kín con đường đèo. Vượt trên vùng sương mù là những đỉnh núi chói nắng. Hoa vàng nở đầy ở ven đường. Diễm kể cho chàng nghe những kỷ niệm cũ: ngôi trường nhỏ ở vùng tỉnh lỵ duyên hải, những buổi sáng nàng dẫn đám học trò nhỏ đi dọc theo lề con lộ rợp bóng cây, thơm nồng mùi muối biển... Thành phố ấy cũng chôn dấu ít nhiều dĩ vãng của Thiệu. Những đêm trắng trên bãi biển với Chuyên. Tiếng sóng rì rào và bức tượng màu trắng mờ loãng trên vùng núi Đồng Đế ở phía xa. Hình như Chuyên có hỏi chàng lý do vì sao người ta lại chọn màu trắng cho bức tượng người lính bộ binh. Thiệu không nhớ rõ chàng đã nói gì với Chuyên về câu hỏi ấy. Ngày đó Thiệu cũng vừa ra trường, đang chờ bổ nhiệm. Chàng có một tuần lễ nghỉ phép. Chuyên muốn chàng ở lại Nha Trang, nhưng Thiệu từ chối. Một người bạn rủ chàng về Đà Lạt và chàng đã nhận lời. Có thể là vì Thiệu muốn có một khoảng thời gian êm lắng trọn vẹn trước khi chuyển qua một cuộc sống khác nhưng cũng có thể là chàng muốn rời xa Chuyên. Tương lai chàng, mối tình của chàng đối với Chuyên cũng lung linh, bất định như thứ màu trắng nhòa nhạt đó.

Đêm cuối cùng trước khi rời Nha Trang, trên con đường từ nhà Chuyên dẫn đến căn phòng trọ của chàng ở khu Chợ Cũ, Thiệu đã đi thật lâu. Trên những hàng cây lá dày ven đường, không biết ánh trăng hay ánh đèn, đã giải lên một màu vàng mỏng, êm mướt. Về sau này, mỗi khi

Thiếu 13-14

nhìn những sườn đồi phủ đầy cỏ vàng ở đây, Thiệu lại thấy hiện lên một chút kỷ niệm dịu dàng của ngày tháng cũ.

***
**

Với Diễm, trong buổi sáng mù sương đó, Thiệu lại đến một khu phố lạ cũng nằm ven biển. Khu phố với những con đường hẹp, những ngôi nhà nhỏ,tường phủ đầy loại dương chi lá mỏng. Diễm theo chàng trên những bậc cấp dẫn xuống triền cát. Cũng tiếng sóng rì rào ấy, cũng thứ gió se lạnh, thơm nồng ấy. Nhưng trong vùng kỷ niệm của Diễm và chàng, bãi biển ngày cũ không có bóng dáng những con hải âu. Diễm ném vài mảnh thức ăn nhỏ cho những con chim bay rộn rã quanh nàng. Một người quen nào đó ngày xưa đã nói với Thiệu là sau khi chết đi, nàng chỉ muốn được biến thành con chim nhỏ trong công viên để suốt đời được nhìn ánh mắt của những kẻ yêu nhau. Thiệu không biết những con hải âu, buổi sáng hôm ấy, đã nhìn thấy gì trong mắt Diễm.

Thiệu muốn nói với Diễm nhiều điều nhưng rồi không nói được. Sau lưng, trước mặt là những ngày tháng quẩn quanh. Lẽ ra, Thiệu chẳng nên đến vùng đất lạ này. Trong một chặng nào đó của cuộc sống, lẽ ra Thiệu phải biết dừng lại, dứt bỏ. Để những ngày đã qua còn là một âm vang đẹp đẽ. Để còn chút tiếc nuối thấp thoáng đầy đó. Hoặc nếu không còn gì thì cũng còn chút hãnh diện của người biết mình thua cuộc.

Diễm nắm một nhúm cát nhỏ, thả dần để những sợi cát loãng đi trong gió. Thiệu nhìn những ngón tay thon dài của nàng. Ban sáng, khi Thiệu ôm nàng, đôi vai Diễm khẽ rung. Đừng khóc, Diễm. Thiệu nói. Anh ghét những người hay khóc. Diễm ngước lên nhìn chàng. Hình như nàng có mỉm cười nhưng nụ cười không có trong đôi mắt. Trên vạt áo nâu mềm của Diễm, có vết loang của

một giọt nước mắt. Thiệu hiểu vì sao Diễm khóc. Diễm còn trẻ. Quá khứ phía sau có đáng tiếc nhớ nhưng không đủ để gây buồn. Diễm khóc vì thứ dư luận nghiệt ngã đang úp chụp quanh ànng. Thứ dư luận tàn ác đã làm Diễm mất đi một người tình tuyệt vời.

Trong một buổi chiều mới đây, giữa cái êm vắng của khu công viên gần thành phố, Diễm đã nói với Thiệu, như nói với một người bạn hiểu được nàng, về những ghi nhớ nồng nàn của cuộc tình cũ. Điều Diễm kể làm Thiệu nhói đau nhưng chàng chia xẻ được những rung cảm tận cùng của Diễm. Trên đường về, đã có một thoáng, Thiệu muốn khuyên Diễm tìm lại người tình cũ, cố quên đi những dằn vặt nhỏ nhoi để nối tiếp một cuộc tình đẹp. Nhưng có chút ích kỷ trong chàng, chút e ngại mất mát đã ngăn cản Thiệu nói lên điều đó. Đã từ lâu lắm, Thiệu biết mình không hề mang lại hạnh phúc cho những kẻ chàng thực sự yêu thương. Những e ngại phi lý đã khiến đã khiến chàng không làm được những gì chàng muốn làm cho người khác. Đã bao nhiêu lần, Thiệu thấy quặn đau về sự dày vò ấy nhưng rồi vì bản tính ngượng ngùng, vì thứ thói quen tập thành, vì những ý nghĩ cứng nhắc tự dựng lên cho một khuôn mẫu đàn ông, Thiệu đã không thay đổi.

Một ngày nào đó đã lâu, Nguyện có nói với chàng điều này. Lần đó Nguyện đến tìm chàng ở ký túc xá. Buổi tối, khu đại giảng đường đóng cửa, Nguyện và chàng ngồi ở bậc cấp hiên trước . Trời cao và có nhiều sao. Nguyện nói sau một lúc ngập ngừng. Nguyện biết anh thương Nguyện – lời người con gái – nhưng anh vẫn cố giữ một khoảng cách nào đó. Nhiều lúc hình như anh không có một liên hệ nào với Nguyên. Anh mãi mãi giữ một chỗ đứng cho riêng anh, không biểu lộ, không san sẻ. Nguyện hiểu anh nhưng rồi Nguyện vẫn tủi thân. Đêm ấy, cũng như mọi lần khác, Thiệu không nói được gì nhiều

với Nguyện. Chàng nhìn những đóm sao lung linh trên cao. Ngày còn bé, khi mọi người trong gia đình đã ngủ say, Thiệu vẫn thường lén ra sân, ngồi một mình với con chó nhỏ. Trên nền trời của những đêm trẻ thơ đó cũng có thật nhiều sao. Có những đóm sao quây quần lại thành nhóm nhưng cũng có những đóm sao lạc loài, riêng lẻ.

***

Diễm,

Một ngày nào đó, Diễm sẽ rời xa thành phố này. Rời bỏ để cố quên đi một mối tình đẹp. Rời bỏ để thứ dư luận tàn ác không còn tác hại trên những ngày tháng tương lai của Diễm. Có lần Diễm đã bảo anh là giá định mệnh đừng bắt chúng mình gặp nhau. Diễm cũng đùa bảo anh là Diễm ghen với hạnh phúc của anh. Anh có tất cả trong khi Diễm không có gì hết. Điều Diễm nói là đúng. Định mệnh đã trao cho anh những gì tuyệt vời mà lẽ ra anh không xứng đáng được hưởng. Vĩnh viễn anh vẫn chỉ là đứa trẻ dại khờ, mãi rồi tìm một vì sao lạc trên vùng trời trẻ thơ ngày cũ.

Phần Diễm, anh chỉ cầu mong Diễm không hành động như anh. Đừng để mất vì sao tìm được. Vì sao, đã một lần, rọi sáng những rung cảm tuyệt vời trong Diễm.

LÔI TAM
1979

XÓM NGHÈO

Tặng Huy Lực, Hoàng Tổng.

Từ lưu lạc giữa sa mù lục địa
Đêm Houston ta kể chuyện xóm nghèo
Ta bỗng nhớ đến xóm nghèo chi lạ
"Nắm cỏ vàng ai cũng cố mang theo !"

Nghe ngai ngái mùi hoa đồng, cỏ nội
Nhớ xóm nghèo đêm trăng sáng lung linh
Dòng suối mộng nước đôi bờ nhịp võ
Thuyền ai chèo qua bến nước lênh đênh

Nhớ xóm nghèo ta nhớ dòng sông nhỏ
Nhớ hàng lau, bãi sậy mọc ven bờ
Nhớ đỉnh đồi đêm trăng vàng bỡ ngỡ
Tiếng ai hò giã gạo những đêm mơ

Xa xóm nghèo ba ta người mỏi ngả
Để xóm nghèo năm tháng đứng quạnh hiu
Bờ lau sậy vang bước chân người lạ
Những xóm nghèo từ ấy vẫn cô liêu

Nếu mang được xóm nghèo qua lục địa
Trăng xóm nghèo ba đứa sẽ soi chung
Ta nhóm lửa cho xóm nghèo ấm lại
Hồn ươm mơ theo ánh lửa bập bùng...

HOÀNG NGỌC ẨN

phục vấn

Hỏi người sau hỏi ai xưa
Qua bao Ảo hóa là bờ Chân như
Hỏi mất còn hỏi được thua
Nhỏ bao giọt lệ cho vừa bể dâu

TRÚC CHI

ngậm ngùi

Đưa em từng bước trở về
Đêm theo nỉn lặng sầu tê điếng người
Đưa em mắt đỏi mù phơi
Nói năng chi nữa, khó mời bước lui
Em đi cơn mộng ngậm ngùi
Nằm ba phút nữa, ta ngồi đánh diêm
Noi theo lối cũ soi tìm
Mùi hương phấn đọng im lìm dấu chân
Em đi gió đứng tần ngần
Tóc rơi sợi nhỏ, đá bần thần khuya.

THI VŨ

bây giờ tháng mấy

NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN
tặng V.K.B.

Tháng tám Hân được tin Vận tử trận-- Ashau – một cái tên lạ hoắc trong đầu óc nàng hai tháng trước, cho đến khi đón vị Vận đổi về đấy. Hân đã muốn theo chồng nhưng Vận không bằng lòng. Chàng bảo, em ở nhà với mẹ và con. Hân nghĩ đến đứa con sắp ra đời của nàng. Những giọt nước mắt mồ côi cha trước khi nó kịp thấy vui buồn của cuộc đời.

Giao nhà cho mẹ, Hân đi Đà Nẵng đón xác chồng. Phi trường Tân Sơn Nhất buổi sáng Hân đi mưa sụt sùi, những mặt xi-măng loáng nước của phi đạo nằm trơ vỏ với vài chiếc phản lực cơ quân sự đen ngòm xấu xí. Trời Sài gòn tháng Tám vẫn còn mưa. Ngồi giữa đám đông người chờ đợi máy bay, Hân cũng hòa lẫn trong đó. Những gương mặt buồn thảm của thân nhân tử sĩ. Hân ngồi yên, thẳng như tượng đá trên chiếc băng ghế dài chờ gọi tên mình. Áo dài đen, khăn sô trắng, mái tóc xỏa làm gương mặt nàng trắng xanh hơn. Tiếng mưa vẫn rõ nhịp đều

trên mái tôn phòng đợi. Chờ máy bay cả buổi sáng, những người khách ngồi ngủ gà ngủ gật trên dãy ghế gỗ. Hân không khóc nhưng hai mắt nàng đỏ hoe. Một người lính trẻ đi ngang nhìn nàng ngại ngần, anh ta cầm một xấp thẻ lên tàu, ngập ngừng:

– Thưa... Bà Quả Phụ Thiếu Uý Trần Quang Vận ?

Hân gật đầu, nàng muốn mỉm cười với người lính nhưng nụ cười làm da mặt nàng đau đớn, Bà Quả Phụ, chồng nàng mất rồi, những lời nhắc nhở như một sự thật tàn nhẫn. Làm sao chối cãi được nữa hỡ Vận. Nhất định là chẳng còn cho em được thấy lại anh nói, cười, đi lại trên cõi đời này nữa rồi Vận ạ. Mưa vẫn rơi, những tiếng mưa rền rĩ nhức nhối trong đầu óc nàng. Người lính đưa nàng tấm thẻ màu đỏ thẫm. Máy bay cất cánh hai giờ chiều nay, nói rồi anh ta nhìn đồng hồ. Còn hơn nửa giờ nữa. Bà có thể lên tàu khi chúng tôi gọi tên. Hân khẽ cảm ơn anh, người lính ái ngại nhìn nàng và đi sang người kế tiếp.

Suốt hai giờ bay Hân ngồi yên trong góc tối. Trời xấu nên máy bay dằn, đứa con mới thành hình trong bụng nàng nằm yên. Con của mẹ, tội nghiệp con. Mẹ con mình đi đón cha mà sao trời buồn quá vậy con nhỉ. Những cơn mưa của đời sống. Những cơn mưa nào đó đã đi qua đời nàng để tạo nên Hân ngồi đây trong góc một chuyến bay quân sự đi đến Đà Nẵng, thành phố ngày thơ bé của chồng nàng, chỉ nghe chàng nhắc đến mơ hồ những ngày nàng mới gặp Vận. Hân chưa đến Đà Nẵng bao giờ nhưng nàng cảm thấy yêu mến gần gũi với nó như đang trở về lại quê cũ. Vì nơi đó Vận đã đến, Vận đã lớn lên, Vận đã qua những ngày thơ ấu, Vận đã có những mối tình trẻ con đầu tiên. Vận và hạnh phúc của nàng. Hân nhớ lại những ngày hai đứa mới quen nhau. Sao hạnh phúc của nàng có thể ngắn ngủi và qua mau đến vậy. Nước mắt lại ứa ra. Kỷ niệm vẫn viu chắp nối những lần Vận về rồi đi. Hân cắn môi. Nhớ lần đầu tiên gặp Vận trong sân trường Văn

Khoa. Một ngày mưa. Mưa như buổi chiều nay trong sân Phi Long. Hân nhớ hoài buổi chiều đi lên trường coi bảng. Sân trường sau ngày thi trống trơn và điu hiu, bảng niêm yết danh sách thí sinh đậu oral kỳ nhất sau khung lưới trước văn phòng ban bay phất phơ. Tiếng những cành lá xanh cọ vào nhau xào xạc. Trời mù gió và Sài gòn sắp mưa.

Nhìn thấy tên mình trên bảng, Hân mừng đến độ mong có một ai đó cạnh mình để báo tin cho họ hay rằng nàng đã đỗ rồi.

– Xin lỗi ...

Hân giật mình, gã thanh niên đến bên nàng lúc nào, mãi mơ màng Hân chẳng nghe tiếng chân hắn đến. Hân hỏi ngượng ngùng, hắn cười, nụ cười dễ thương, pha một chút ngạo nghễ trong ấy :

– Xin lỗi làm cô giật mình.

Hân mỉm cười. Hân bỗng thấy tay mình run. Nàng mê ngay giọng nói và nụ cười của hắn. Hắn lại cười vì Hân bối rối. Hắn muốn được nhìn thấy nụ cười ấy một lần nữa. Hân khẽ cắn môi :

– Ông biết không, tôi đậu rồi ?

Hắn cười, mừng cô thi đậu, rồi nhìn lên tờ danh sách trước văn phòng, hắn tiếp, Văn chương Việt nam ? Hân gật đầu. Hắn lại tiếp, nhưng tôi chả thấy tên cô đâu cả ?

Hắn hoảng hốt, lẽ nào, Hân đã đọc tên một người khác sao. Trịnh thị Ngọc Hân, nàng nhìn kỹ và chỉ cho hắn. Nhìn theo ngón tay nàng và gọi thật khẽ, Ngọc Hân. Nghe gọi tên, Hân giật mình, và chợt nhớ ra mình đã mắc kế hắn để được đền bù bằng nhìn thấy nụ cười của hắn.

Hân bật cười trong nước mắt. Vận ơi, tại sao kỷ niệm của tụi mình lúc nào cũng để thương hết vậy ?

Và Hân quen Vận, để nghe chàng kể chuyện vua

Quang Trung ngày xưa vì quá yêu Công Chúa Ngọc Hân nên... phải lấy nàng làm vợ; để lúc nào nàng cũng được cười đùa vô tư với chàng. Để buổi chiều đầu tiên Hân quên mất giờ về và những cơn gió bắt đầu thật lộng trong sân trường. Cơn mưa đầu tiên cầm chân Hân lại, và nghe Vân nói rất dễ thương, đằm ấm như những hạt mưa Sài gòn lúc nào cũng thật ấm thật vỗ về:

– Trời mưa cô bỏ về, mưa sẽ làm cô cảm mất. Tối dễ bị cảm lắm, cô biết không ?

Hân yêu nụ cười của Vân. Nàng yêu ba tiếng Cô Biết Không của chàng. Cô biết không. Hân biết không, Em biết không. Thư nào chàng gởi về cũng em biết không anh vừa đi gác về. Hân biết không, Mẹ bằng lòng cho anh đi hỏi vợ; và Hân biết không, anh phải đi cuối tháng này. Những cái em biết không vui buồn của tụi mình sắp hết rồi. Anh biết không ? Anh biết không. Em và con đang đi đón anh đấy, anh biết không ?

Phi trường Đà Nẵng nằm gọn giữa những bức tường núi. Miền Trung tháng Tám bắt đầu mưa bão lụt. Những ngày không mưa, trời đất lạnh khô, môi người nứt nẻ. Những ngày mưa, mưa đầm dã buồn rã rích. Trời đang nắng khi Hân ra khỏi phi cơ. Gió lộng thổi những vạt áo dài quấn quít chân nàng. Người phi công dìu nàng xuống khỏi những bực thang cao nghệu. Anh ta hãy còn trẻ, gương mặt còn trắng, chưa nhuộm đủ nắng trời. Anh ta có nụ cười làm Hân nhớ Vân, nụ cười vừa vô tư vừa ngạo nghễ của chàng lần đầu Hân nhìn thấy.

Hân được nhân viên của đơn vị Vân đón từ phi trường. Con đường đến trại lính nào cũng giống nhau, những hàng rào kẽm gai, những trại gia binh với những khăn, áo, quần phơi bay phất phơ trong gió chiều. Trời Đà Nẵng bắt đầu lạnh, những cái lạnh se da, khô bàn tay, tím môi người. Người lính trẻ lái chiếc Jeep qua những đoạn đường đất lồi lõm, bụi mờ, và gió thổi chiếc khăn

voan đen trên tóc Hân bay kêu phần phật. Hân nhắm mắt, Sài gòn những ngày cuối năm cũng lộng gió. Sân trường Văn Khoa những chiều chờ đợi, những sáng đầu năm học có Vận trong đám người ồn ào, để tim nàng cứ phải xôn xao.

Vận chẳng học Văn Khoa, Vận học Luật, " Nhưng anh mê trường Văn Khoa của Hân mất rồi." Những buổi chiều cuối năm gần tết, học trò về quê, trường lớp vắng im. Vận bảo sao Hân ham học thế. Hôm nào anh cũng bỏ lớp qua thăm Hân, và hôm nào anh cũng ngồi đợi dài cổ trong câu lạc bộ.

Kỷ niệm với Vận làm Hân chớp mắt mỉm cười. Sài gòn gần tết thật hiền hòa. Lúc nào trong lòng Hân cũng nôn nao một cảm giác thật tưng bừng thật hạnh phúc. Thành phố gió lộng cho cái nắm tay đầu tiên và thấy trời đất thênh thang. Những kỷ niệm ấy lúc nào cũng dễ thương tràn ngập, gắn bó với Văn Khoa, với Sài gòn.

Vận chiều nào cũng đi bộ lên trường đón Hân. Có hôm chàng ngồi ngoài bãi đậu xe hoặc rất thường khi, trong hội quán Văn Khoa. Vận ít giờ buổi chiều, nếu không vào thư viện hay sang trường Dược chơi volley, Vận vào Câu Lạc Bộ Văn Khoa chơi pingpong chờ Hân tan học. Vận người lớn lần đầu tiên Hân gặp bỗng biến mất, nhường chỗ cho Hân một Vận thật trẻ con quần jean, áo pull thật bụi, thật lôi thôi, và cũng thật dễ thương. Vận là nỗi hạnh phúc cảu Hân mỗi chiều tan học. Hân còn nhớ y nguyên góc quán Vận vẫn ngồi chờ Hân. Chiếc bàn số 7. Hân hỏi. Sao anh chọn bàn số Bảy, để nghe Vân mở màng, Vì số 7 là số trọn vẹn. Cho tụi mình thuởng nhau trọn vẹn. Và Hân cười, sao Vận cũng cải lương quá vậy. Nhưng bây giờ Hân khóc. Hân còn nhớ bàn tay, những ngón tay đàn ông của Vận, kéo ghế cho Hân, mang sữa đá lại cho Hân – vì Mẹ cấm không cho phép Hân uống cà-phê, " Con gái mà uống cà-phê hư da

mất cả." Ít ra Vận cũng đã đồng ý với mẹ Hân ở điểm này, và lặp lại, " Hân đừng uống cà-phê hư da mặt."

Nước mắt cứ chực ứa ra theo với kỷ niệm lũ lượt trở về. Người sĩ quan vẫn yên lặng lái xe, hay có lẽ anh ta có hỏi Hân một điều gì đó nhưng Hân chẳng nghe thấy... Con đường tráng nhựa không đều làm chiếc xe cứ dằn theo những ổ gà lớn nhỏ và bụi đỏ lại mịt mờ. Bầu trời miền trung đục ngầu buồn tênh. Hân lắc đầu, Hân muốn được trở về lại với Vận, với những trẻ con hạnh phúc ngày xưa, để Hân được cười đùa trêu Vận. Hôm nay Vận làm gì mà bụi bặm thế. Mẹ mà thấy em đi với một ông như Vận Mẹ bất tỉnh ngay.

Vận mỉm cười và như mọi khi lấy ngón tay trỏ khẽ nhẹ vào sống mũi Hân, Hân đẹp quá. Hân nghe Vận nói câu này cả một triệu lần rồi và cả một triệu lần Hân đều thấy câu nói ấy mới tinh khôi, và Hân đỏ mặt (chỉ vì Vận là người nói câu ấy thôi), khẽ cắn môi. Vận lại cười:

– Hân biết không, hôm nay anh nghỉ giờ cô Huyền Trân. Cả buổi chiều chơi basket bên Dược với bọn thằng Thọ. Muốn chạy vô lớp nhìn Hân ghê mà... và Hân sẽ sẽ biểu môi:

– Làm bộ. Anh mê basket còn hơn mê... volley (!) nữa. Có thì giờ đâu mà vào lớp với Hân.

– Thì mê hơn volley, nhưng mê bồ còn hơn mê basket kia. Tại anh ấn mặc lôi thôi quá vào lớp Hân mấy ông thầy bà thầy thấy chẳng văn vẻ tí nào biết không phải dân Văn Khoa lại đuổi ra mất công Hân năn nỉ.

– Chứ không phải anh sợ có anh vào ngồi cạnh, Hân quên nghe lời thầy giảng mất sao ?

Và Vận sẽ cười. Chỉ chờ cho Hân nói thế. Có Vận, Hân quên tất cả. Phải mà có Vận lúc này, cho Hân quên tất cả mọi điều đau khổ đang chực xòe móng vuốt chụp giữ nàng.

Rồi lại ủa nước mắt. Như Vận luôn luôn nâng cằm Hân thật dịu dàng bảo:

– Những lần sau anh sẽ vào lớp Hân. Nhưng anh sẽ ngồi ở một nơi nào Hân chẳng nhìn thấy anh, để Hân vẫn nghe lời thầy giảng, và anh được tự do nhìn cưng hoài không thôi.

Và Hân muốn nắm lấy tay Vận, muốn được hôn lên sống mũi cao của chàng lúc nào hai hàng mày cũng nhíu lại. Nhưng câu lạc bộ trưởng bao giờ cũng đông người. Gương mặt Vận sao mà hồn nhiên. Những ngày thương nhau vô tư và hạnh phúc. Có bao giờ Hân nghĩ đến một ngày được điện tín Vận không còn nữa. Không bao giờ còn nữa. Có khi nào nàng đã nghĩ đến mình ngồi trong sân Phi Long chờ một chuyến bay quân sự, mưa mịt mù và ngồi trên một chuyến xe trống trời Đà Nẵng lạnh căm, nghe gió bụi phủ ngập tâm hồn mình.

Những ngày xưa ấy vô tư hiền hòa làm sao. Hồi ấy Mẹ cứ suốt ngày nhắc Hân phải lo học, " Con tưởng lấy chồng sướng lắm sao. Bao nhiêu chuyện phải lo" và " Bỏ bịch vớ vẩn làm gì. Còn trẻ, lo cho cái tương lai một mình con bảo đảm hẳn hay. Đời đang tự do không sướng hơn là để mình vướng bận vì một mối tình con nít lẩm cẩm nào đó sao." Và hồi ấy Hân cứ muốn cãi lời mẹ rằng, mối tình có con nít chữ đầu có lẩm cẩm, nhưng chẳng bao giờ Hân dám. Rồi mẹ lại tiếp " Thời buổi này lấy chồng đi lính, biết sống chết ngày nào. Người đàn bà phải đảm đang, phải tự mình gây dựng gia đình nếu chồng vắng mặt..." và mẹ sẽ kết luận, " Kiểu trẻ con như cô thì lấy chồng... về cho mà khổ."

Mẹ chẳng muốn cho Hân có bạn trai, " Mất cả thì giờ", và Vận chỉ có thể lên trường đón Hân, hẹn hò gặp nhau, nhìn thấy nhau vội vàng để Hân cứ luôn luôn ao ước sao cho thời gian ngừng trôi và mọi chiếc đồng hồ –

nhất là đồng hồ của Mẹ – ngung chạy cho Hân đừng thấy trời đã chiều, và Hân phải trở về nhà, phải không được gặp Vận cho đến ngày mai.

Dạo còn đi học, mỗi chiều tan học, không chờ Hân trong câu lạc bộ, Vận cũng chờ Hân ngoài bãi đậu xe. Mẹ bắt Hân phải đi học bằng xe riêng, không cho ai đưa đón cả. Vận hồi ấy cứ than, Mẹ em khó nhất đời. Sao những bà mẹ có con gái đẹp luôn luôn khó thế. Và Hân sẽ cười, anh có nhiều kinh nghiệm quá nhỉ. Vận đi bộ từ nhà lên trường đón Hân. Nhà Vận bên Tân Định. Vận sẽ đưa Hân về tận nhà, ngoài đầu ngõ, dưới Phú nhuận rồi sau đó đón xe bus đi về. Vận bảo từ khi quen cứng anh biết thêm nhiều trò, cả trò đón xe bus từ Phú Nhuận về Tân Định. Chiều nào Vận cũng lên trường đón Hân và đưa Hân về, chỉ trừ thứ tư, Vận chỉ đưa Hân đến nhà thờ Tân Định, Vận phải về nhà lấy xe đi học lớp Judo. Và Hân nghĩ là Hân thương Vận kinh khủng.

Người sĩ quan đưa Hân về thẳng đến nguyện đường, nơi quàn quan tài Vận. Nguyện đường vắng hoe, bóng tối không tan kịp với sức những hàng nến dài. Vài người lính đang quì làm lễ cuối nhà nguyện. Mùi hương làm Hân ngất ngất. Hân ước gì trời đang sớm mai để có nắng vào, cho Vận đừng phải nằm một mình lạnh lẽo. Quan tài Vận phủ lá cờ vàng sọc đỏ, những bó hoa huệ trắng, những hàng cườm hiu quạnh. Hân bật khóc. Người sĩ quan hướng dẫn đã rút lui từ lúc nào. Bức hình bán thân của Vận trong quân phục đang cười với nàng, những nụ cười của chàng thật xa lạ, không là nụ cười vô tư ngạo nghễ những ngày xưa nữa. Nụ cười chàng buồn thảm. Vận. Vận. Hân gọi tên chồng thật khẽ, anh có còn nghe em nói gì không anh. Anh yêu dấu, sao người ta nỡ dấu mất đi nụ cười của anh. Em muốn được nhìn thấy anh một lần cuối, một lần chót.

Người sĩ quan đã trở lại đứng nơi ngưỡng cửa. Hân

muốn được nhìn mặt chồng Anh ta trở lại với hai người lính trẻ. Nắp hòm chưa đóng, chỉ mới khép hờ. Lá cờ được xếp đi. Vận nằm thật bình yên. Đôi mắt chàng nhắm kín, một người bạn đồng đội nào đó đã vuốt mắt chàng. Hân mỉm cười xa xót, khi ngủ có bao giờ Vân khép mắt thế kia. Bị trêu, chàng cười bảo, mắt giữ của mà em. Vết đạn vào đầu đã giết chàng để lại một vết lủng sâu đen bên thái dương. Hân nhìn vết đạn. Máu trong tim nàng như ngừng chạy, những ngón tay nàng bám chặt thành quan tài. Hai hàm răng nàng bám vào nhau đau đớn. Vận, Vận ơi, sao vậy anh. Chẳng bao giờ em còn nhìn thấy anh nói cười; không bao giờ còn được ngả đầu trên vai anh, được hôn vào sóng mũi thẳng dễ thương của anh nữa sao ?

Hân bật khóc òa. Đời sống ngưng đọng, kỷ niệm quay cuồng quanh nàng. Vận chẳng còn để nàng tựa đầu kể lể nữa. Vận nằm yên bình an. Viên đạn có làm Vận đau đớn, hay nó đang tàn nhẫn xoáy nát tim nàng.

Buổi chiều đã qua, bóng tối phủ ngập nguyện đường. Chuyến bay ngày mai thật sớm sẽ đưa Hân trở về lại với thành phố cũ đầy kỷ niệm giăng mắc. Trời đất này cũng đang để tang cho mối tình của nàng. Hân sẽ trở về, căn nhà hạnh phúc còi cút, sẽ nhìn lại một lần những khoảng vắng chàng đã đi qua, nhìn lại bức điện tín nằm trên bàn nhạt nhòa buông lời. Mai kia giải ngũ anh về trông con cho em đi học lại — Những mai kia không bao giờ tới của chúng ta đang bị đóng cửa từ chối đời đời. Hỡ Vận, Vận trường Văn khoa, Vận chiều câulạc bộ, Vận những s á n g quân trường. Xếp lại hết cả, khóa trái tất cả kỷ niệm. Con mình lớnlên chiều câu lạc bộ, Vận những sáng quân trường. Xếp lại hết cả, khóa trái tất cả kỷ niệm. Con mình sẽ lớn lên không biết mặt cha. Ngày em đi sinh sẽ chẳng có anh nắm tay chuyền cho em can đảm. Sẽ chẳng có ai đốt thuốc ngồi đợi ngoài kia. Sẽ chẳng còn ai chờ đón em trở

về nữa rồi phải không Vận ?

NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

Lại thư gửi bạn

của Võ Phiến

NGƯỜI VIỆT XUẤT BẢN
Giá mỗi cuốn : $US. 4.00
Chi phiếu xin đề :
Mrs. Ngô-Hồng-Phúc
Post Office Box 486
Westminster, Ca. 92683 (USA)

NHẬP

Lửa THƠ thắp sáng tinh cầu
Hồn tinh khôi mới nhiệm màu hiển linh
Nhìn ra vũ trụ chuyển hình
Trong hương sắc phút khai sinh tuyệt vời
Dòng luân lưu bỗng ngừng trôi
Thời không tụ hội, Đất Trời giao hoan
Ngôi thiêng mát đá tưới vàng
Trăng mây gần lại, sáo đàn xa thêm
Thơ Thần vừa ngỏ ý Tiên
Nguồn giao cảm đã nối liền chân hư
Gió bay mở nếp Thiên Thư
Kinh vô tự thoảng nghe từ vô âm
Lời vô ngôn lắng tiếng thầm
Đạo nguyên thủy nhập trong tâm giới này
Rặng hồng vương khuất cung mây
Mùi chân vị giữa hương ngây khói mờ
Ong vàng trăng, mướt xanh tơ
Điệu chen nhịp lạ, vần đưa tứ Thần
Thiên Quang khối lượng vô ngần
Thơ bay ngàn lớp tinh vân đổi màu.

CAO TIÊU

ĐÊM TA NẰM MỘNG

Đêm ta nằm mộng
Trở về quê hương.
Có con chim sẻ
Gọi bầy trong sương.

Đêm ta nằm mộng
Trở về quê hương
Có em thơ nhỏ
Gọi người trên nương

Đêm ta nằm mộng
Trở về quê hương
Nghe ai than thở
Chuyện đời tang thương.

Đêm ta nằm mộng
Trở về quê hương
Mai ta thức dậy
Bạc đầu trong gương.

VÕ ĐÌNH TUYẾT

*

GIA ĐÌNH

Thư nhà chỉ một lời than
Chạy ăn từng bữa da vàng hóa đen
Phận ta bơ sữa đàng hoàng
Miếng cơm chưa nuốt nghẹn ngang nửa chừng.

LÊ PHỤC AN
Guilford, 3–79.

NHÀ TRỌ

LÊ THỊ HUỆ

Trong căn phòng trọ của vợ chồng Thắng một buổi tối thứ bảy.

Chiếc đồng hồ trên tường thong thả mở âm thanh. Con chim từ trong ô cửa sổ nhô ra gáy cúc cu đều đặn mười một nhịp. Bây giờ đã mười một giờ đêm. Hường đang đứng xếp những chén bát nằm ngổn ngang trong bể rửa bát sang một bên để tính rửa nốt phần còn lại. Nàng ngừng tay vì chợt nhận ra cũng đã khuya để cho hai con nàng Thu và Thảo vào giường ngủ. Hai đứa bé đang ngồi xếp bằng ở một góc xa lông đùa giỡn với mấy quyển sách tô hình. Đứa bé gái lớn đang khoe với em gái những tấm hình màu nó vừa tô xong. Cạnh đấy, Thắng đang ngồi ngây nhìn những ly rượu trên bàn. Hiển, bạn chàng, cũng đang ngồi ở ghế bành đối diện mơ màng thả những cụm khói thuốc lên trần nhà. Họ vừa ăn nhậu với nhau món tiết vịt và lòng xào. Chén bát bày biện còn đấy và Hường đang đứng thu dọn. Nàng vừa rửa tay vừa nói:

-- Thu và Thảo đi vào ngủ các con. Khuya quá rồi. Quay sang Thắng, chồng nàng, Hường nói:

-- Anh nói mấy con vào ngủ hộ em.

Thắng đang hỏi chuyện bạn, ngừng lại quay sang lặp lại lời Hường:

-- Thu, Thảo vào giường ngủ, khuya rồi. Mai bố dẫn đi công viên.

Thu đứa bé gái lớn trạc năm tuổi với bộ sách tô hình xuống reo lên:

-- A ngày mai bố dẫn đi công viên nhá bố.

Thắng gật đầu:

-- Ừ, đi ngủ đi. Ngày mai bố dẫn đi công viên.

Hai đứa bé xuống khỏi ghế bành. Đi vào phòng. Ở một góc nhà, con mèo xiêm thủng thỉnh đi ra. Thu và Thảo chụp bắt và giành nhau. Hai đứa bé lại mê vào con mèo quên cả việc vào giường ngủ.

Hường rửa tay xong, Để phần chén bát còn lại sang một bên. Nàng phải vào phòng sửa soạn cho Thu và Thảo lên giường. Hường liếc nhìn hai người đàn ông đang ngồi ở bàn khách. Hai người thanh niên ở tuổi trung khoảng của những năm ba mươi.Hiển gầy người, khuôn mặt rắn chắc và trầm tĩnh dù không biết chàng đã uống bao nhiêu rượu. Thắng lớn vó hơn bạn, mặt đỏ nhừ, xoa hai tay lên đầu nói:

-- Tôi bỏ lỡ chuyến này là tiếc lắm ông ạ. Lão giáo sư hướng dẫn bảo mỗi năm trường này chỉ nhận mười người vào cấp cao học ngành này.

Chàng quay sang nhìn Hường đang lẳng lặng đi vào phòng với hai đứa bé. Chàng nói tiếp:

-- Tôi muốn học cho xong có lẽ cũng mất khoảng hai năm nữa.

Chàng ngừng lại. Nhìn vô chai rượu và chiếc gạt tàn thuốc. Chàng nhìn những đồ vật bừa bãi trên bàn nhưng ánh mắt chàng như đang nhìn vào khoảng không. Thắng bỗng cười lớn tiếng. Chuỗi cười khô khan và thách thức.

Tiếng nước xối ào ào trong phòng tắm vọng ra. Hường đang cho Thu và Thảo tắm. Căn phòng trọ không lớn đủ để tản mác âm thanh của nước xối. Tiếng nước xối lấn át

bầu khí yên lặng. Thắng lại nói tiếp:

-- Kể ra đáng lẽ tôi nên ở lại Denver tiếp tục học cho xong ở đấy rồi hẵn dọn sang Santa Clara này với Hường và mấy đứa bé.

Hiển ngồi thu tay vào túi áo ngẩng nhìn bạn. Góp lời:

-- Tôi tưởng qua đây có bà. Ông yên tâm hơn.

Thắng đưa hai tay vuốt ngược tóc lên:

-- Tôi cũng nghĩ vậy.

Hai người đàn ông rơi vào im lặng lắng nghe tiếng nước chảy xối xả trong phòng tắm. Tiếng Thu và Thảo đùa nghịch với nhau. Tiếng Hường nhẹ nhàng trách con.

Đã bao nhiêu chiều thứ bảy. Họ gặp nhau. Uống dăm ba ly rượu, một hai món nhậu đỏn sơ. Quay quanh những mẩu chuyện của hai người. Chuyện cũ và chuyện mới, Chuyện lớn và chuyện nhỏ. Hai người bạn quen nhau từ những ngày còn ở Việt Nam, thân nhau từ những năm trung học ở Chu văn An Sài gòn. Đậu xong tú tài Hiển bị động viên vào Thủ Đức. Thắng vì là con một, có mẹ già, nên được miễn nhập ngũ và được tiếp tục lên đại học. Năm 1975. Sài gòn mất. Cả hai cùng chạy thoát được. Gặp lại nhau trong trại tỵ nạn ở Arkansas. Hiển vẫn còn độc thân trong khi Thắng đã một vợ và con. Chia tay nhau. Thắng và gia đình đi Denver Hiển đi Dallas. Ba năm sau cả hai gặp nhau lại ở California.

Hiển nhìn bạn đang xoa tay lên đầu. Mớ tóc Thắng bung ra bù xù vì đã bị vo đi vo lại nhiều lần. Men rượu bia làm cho khuôn mặt Thang sáng lên, hai mắt long lanh nóng hơn thường ngày. Nhờ men rượu, Hiển mới có dịp nhìn thấy những cá tính ẩn sâu của bạn hiện rõ lên khuôn mặt. Men rượu pha màu trong mắt chàng. Đôi mắt nửa quyết liệt nửa yếu đuối.

Hiển rót thêm rượu vào ly chàng và bạn, đưa lên nhấp một ngụm, nói với bạn:

-- Mẹ kiếp, được một chiều cuối tuần như thế này thì sao lại không uống

Nói xong Hiển mới sực nhớ đến Hường,vợ Thắng.

Đối với Hiển, Những lần ngồi uống như thế này không phải là một thói quen mới. Chàng đã quen với nó từ thủa chàng còn lăn lóc trong quân ngũ. Những lần về Thành phố là những lần say lúy tuý với bạn bè. Đến bây giờ dù cuộc sống không còn như cũ ở quê nhà nhưng Hiển vẫn còn chấp nhận cái thói quen ấy như một phần con người độc thân chưa thay đổi của chàng. Nhưng trường hợp của Thắng khác. Thắng ngày trước không uống rượu. Người thanh niên thủa ấy hăng say với lý tưởng và công việc. Những giờ rảnh rỗi là những giờ dành để dạy những lớp học miễn phí, hoặc để tham gia những hoạt động không vụ lợi với bằng hữu. Gặp lại bạn bây giờ, Hiển thấy bạn bỗng đổi tính. Thắng thường níu kéo những lần uống rượu với bạn bè. Những lúc ngà ngà say là những lúc Thắng có thể bày tỏ những nỗi u uẩn của một kẻ lỡ vận.

Hiển nhìn bạn khắc khoải trong nỗi u uẩn. Hiển không biết mình có thể giúp bạn được gì nên thỉnh thoảng có giờ rỗi Hiển ghé lại thăm gia đình Thắng. Những cứ mỗi lần ghé lại, Hiển được Thắng mang rượu và thức ăn ra tiếp đãi nồng hậu. Rượu ngon lại có bạn hiền. Cả hai làm cho Hiển khó lòng bỏ đi.

Sau một lúc chìm trong yên lặng. Thắng tiếp lời:

-- Tôi nghe ông Xuân bảo ở cái hảng điện tử ấy chỉ cần học ít tháng về điện là có thể bắt đầu đi làm, lương bổng hậu hỹ. Tôi lại muốn đến xem thử sao.

Hiển thấy bạn không quả quyết giữa việc đi học và đi làm. Hiển nói:

-- Ông cứ lại đó xem thử sao. Nếu được ông thử làm một việc ban ngày, một việc ban chiều tối.

Thắng lắc đầu:

-- Không được đâu ông ạ. Tôi chỉ đi học hoặc đi làm. Tôi chỉ làm một việc.

Thắng ầm ừ.

-- Mình già rồi. Lại vợ con nữa.

Chàng mở nắp chai, rót rượu vào ly, nói:

-- Mẹ kiếp. Đến một cái tuổi này rồi lại phải làm một chuyện bắt đầu không hứng thú gì cả. Ngày trước ngồi một ngày tám tiếng đồng hồ trong lớp chẳng thấy sao. Bây giờ ngồi ba bốn tiếng đồng hồ một ngày thấy ê cả người.

Hiển đoán có lẽ bạn cũng không hào hứng gì trong việc đi học. Cái thời mơ mộng xây đắp tương lai đã qua. Lý tưởng và tham vọng cũng đã tả tội với cuộc chạy nạn sang xứ người. Còn điều gì thúc đẩy mạnh hơn thực tại trước mắt ? Vợ con.

Hiển nhìn chai rượu đã gần cạn. Thu và Thảo có lẽ đã ngủ. Căn phòng trở nên im lặng hơn. Chàng nói với bạn:

-- Bà ấy không cảm thấy khó khăn thôi chứ sao ông lại đeo hết mối lo lên người.

Thắng nhìu đôi mắt đã ngà men rượu, nói:

-- Đôi khi tôi cũng không biết mình xử trí như vậy có đúng lắm không. Đi học thì cũng chẳng thế nào. Một vài năm nữa cũng chẳng nghĩa lý gì hơn. Đi làm bây giờ,Hử, Tôi không quên được bản mặt thằng khốn nạn chủ cái hảng bán ghế ở Denver những ngày mới xuất trại. Hừ, Đi khiêng bàn ghế, cu li suốt đời để nhìn những bản mặt ấy.

Khuôn mặt Thắng rắn lại. Giọng nói chàng chắc nịch. Hình ảnh chàng thanh niên những năm hai mươi thủa nào chợt gợn về trên giọng nói, đôi mắt ủ men rượu ấy. Hiển nhìn bạn thông cảm. Những người như Thắng và chàng bị đánh cướp sự chiến đấu. Những kẻ ấy cho dầu đa ngã ngửa. Ở đâu họ cũng không chịu được những điều trái ý.

Hường nhẹ nhàng bước ra. Nàng đã cho hai con ngủ xong, trở ra thu dẹp những chén bát còn để đó. Dáng người trung bình của đàn bà Á Đông. Người đàn bà hai con vẫn còn bước đi nhẹ nhàng như thiếu nữ đôi tám. Hường đã bới tóc lên cao, để lộ cái cổ trắng ngần, khuôn mặt nàng tròn đều hòa nét với làn da trắng mịn và dáng người đầy, tươi mát. Hường là hình ảnh êm đềm an phận. Thứ êm đềm gây cho những người đàn ông gặp nàng giữ

mãi một hình ảnh nào đó về đàn bà.

Đi ngang bàn hai người đàn ông ngồi uống. Nàng nhìn những chai rượu đã cạn nói với chồng:

-- Anh uống nhiều quá.

Giọng nàng trách móc nhưng dịu dàng. Thắng quay lại cười xuề xòa:

-- Anh Hiển sắp được gửi đi tu nghiệp ở Chicago. Uống rượu tiễn anh ấy đi.

Hường niềm nở nói với Hiển:

-- Anh Hiển không ở lại đây ăn tết với chúng tôi rồi hẳn đi.

Hiển nói:

-- Tôi cũng muốn thế mà hãng gửi đi theo từng dịp. Chẳng mấy khi mới có một lần.

Chàng mỉm cười nói với nàng:

-- Cứ nhậu nhẹt thế này thì cũng có đến ngày chị hận tôi mất. Phải không chị Hường.

Hường trả lời:

-- Ấy anh đừng nói vậy. Anh lại chơi cho vui chứ. Ở đây bạn bè chẳng còn ai ngoài anh. Tiếp được bạn thân chúng tôi đều quý.

Nàng ngập ngừng giây lát rồi tiếp:

-- Tôi chỉ lo đến sức khỏe của anh Thắng. Anh nghĩ xem ở bên này mà sức khỏe yếu kém thật là phiền.

Nàng lặng lẽ vặn nước rửa những chén bát còn lại trong bể. Sự ồn tồn nhẹ nhàng trong thái độ của Hường làm cả hai người đàn ông thấy xốn xang. Thắng đến bên máy hát mở một cuộn băng nhạc Việt. Giọng người nữ ca sĩ trỗi lên một điệu nhạc tình cảm quen thuộc. *" Chiều nay sương gió ướt vai người khách giang hồ..."*

***

Thu Hường và Kim Nữ là một đôi bạn thân. Nữ kém

Hương bốn tuổi nhưng hai người nói chuyện tâm đầu ý hợp. Nữ theo gia đình sinh sống ở Hoa Kỳ từ năm nàng lên mười tuổi. Nhờ bố mẹ kèm kẹp và nhờ ham thích văn hóa Việt nên Nữ vẫn còn nói được tiếng Việt thạo. Nữ đang theo học Tâm Lý ở một đại học nọ. Có một lúc Hương tâm sự với Nữ câu chuyện về gia đình nàng. Nữ vốn quen lối phân tích và lý luận rõ ràng của một người hấp thụ lối nhìn khoa học về mọi vấn đề. Khi nghe Hương tâm sự, Nữ hứng chí thúc giục và giới thiệu Hương đi gặp vị giáo sư tâm lý của nàng hiện đang làm một chương trình khảo cứu về tâm lý của những người đàn bà nội trợ ở một bệnh viện chính phủ nọ.

Hương không hào hứng gì khi nghe bạn thúc đẩy. Nhưng vì chiều lòng Nữ, cô bạn nhỏ đang học Tâm Lý, luôn luôn thích thú nghiên cứu những kinh nghiệm liên hệ về lãnh vực này. Nên Hương cũng làm một cái hẹn với người nữ y sĩ tâm lý ấy.

Buổi chiều nay, ở phòng người nữ y sĩ tâm lý ra. Hương thấy choáng váng mệt mỏi. Ánh nắng buổi chiều đổ xuống hàng hiên bệnh viện làm nàng thấy gay gắt trong người hơn. Hương đi về phía phòng khách kiếm Nữ, Thu và Thảo.

Hương hiểu hai vợ chồng nàng đang trải qua một thời kỳ khó khăn nhất kể từ khi hai người lấy nhau. Thứ khó khăn do hoàn cảnh và áp lực chung quanh tạo nên. Việc Thắng quyết định đi học trở lại là một hy sinh chung cho cả hai. Nhưng dù thế nào thì vợ chồng nàng cũng hy vọng vào một tương lai sáng lạn hơn là phải chứng kiến khuôn mặt não nề của Thắng như lần đầu Thắng xin làm phụ khuân bàn ghế ở Denver những ngày hai vợ chồng vừa xuất trại tỵ nạn. Hương cũng đã nỗ lực không kém. Nàng đã đi làm hai lần nhưng hai lần đều bị bỏ dở. Một lần vì sanh bé Thảo rồi phải di chuyển thành phố. Lần khác vì lý do sức khỏe, kể từ sau lần sanh bé Thảo Hương thường sinh ra đau ốm lặt vặt, nên nàng lại phải nghỉ việc. Gia đình nàng lúc này đang sống nhờ vào trợ cấp của xã hội. Thực tế ấy nhiều khi cũng làm nàng ray rứt: Bạn bè qua Hoa Kỳ một lần với vợ chồng nàng, ai cũng chịu khó làm

đủ nghề. Nay họ đã có khả dĩ sắm sửa nhà cửa xe cộ đầy đủ, trong khi vợ chồng nàng cứ phải sống cơ cực trong những nhà trọ chật hẹp. May mà ở Mỹ, mảnh đất rộng rãi mênh mông này không mấy ai gặp để dàng, nên họ cũng được yên thân.

Những điều nàng bứt rứt hơn cả là nàng phải nhìn ngắm nỗi u uẩn của chồng. Từ một luật sư trẻ, say sưa với việc làm của mình, Thắng bỗng thành thất nghiệp. Từ một thanh niên lý tưởng nhiệt tình, Thắng bỗng nhiên thấy mình chỉ phải đối phó với cuộc sống kiếm cơm áo qua ngày. Sự đổi thay làm người đàn ông thấy hụt hẫng những giá trị trong mình. Chàng cảm thấy như bị tước đoạt một phần hồn, phần hồn gắn liền với sức sống của ước vọng, hành động và chiến đấu trong mỗi người đàn ông. Nỗi hoài vọng quê hương ám ảnh chàng. Tấm tình Thắng từ những ngày tỵ nạn chao động. Dù đi học đấy, đôi khi Thắng vẫn muốn bỏ ngang để đi làm.

Hương nhớ lại cuộc sống êm đềm cũ, thủa hai vợ chồng còn ở quê nhà, Thắng còn là một luật sư tập sự, Hương đi dạy ở một trường tiểu học. Nàng dạy học buổi sáng. Buổi trưa nàng đón con ở nhà bà ngoại. Buổi chiều nàng có thời giờ để thu dọn nhà cửa và làm những công việc theo ý muốn. Hạnh phúc ấy dù thật chất chiu trong một cuộc chiến, nó vẫn hiện diện một cách quen thuộc với mọi người.

Nàng đã nâng niu triu mến cái hạnh phúc ấy biết là chừng nào. Rồi bỗng nhiên bị đưa đẩy tới cảnh sống mới này. Những thay đổi của cuộc sống mới đánh thức nàng. Hương bỗng nhìn thấy giữa tất cả sự biến đổi này là một cánh đồng mênh mông chưa lập gốc rễ nền móng. Điều ấy khiến những kẻ như nàng thấy rõ ràng nỗi bơ vơ. Tuy vậy với kinh nghiệm của bao nhiêu năm lăn lộn trong lớp xác cũ Hương vẫn tin rằng hạnh phúc gia đình là một phần linh hồn nàng. Người đàn bà thấy như từ trong thâm cung của mình cái uy quyền gìn giữ bảo vệ sức sống này, cái sức sống đông nghìa với nhu cầu làm xoa dịu và êm đềm những khó khăn, những nặng nề vây phủ quanh mình và vây phủ những người liên hệ.

Nên buổi nói chuyện với người nữ y sĩ khiến Hường cảm thấy không thoải mái. Khi nàng bày tỏ một vài khó khăn của nàng, người nữ y sĩ cứ nhất định nhấn mạnh cái ý tưởng rằng nàng phải nghĩ đến những nhu cầu con người riêng của nàng trước.

-- Những thay đổi làm tôi mất thăng bằng. Chúng tôi thường gây nhau về những quyết định chung và về việc dạy dỗ con cái. Anh ấy ra nghiện rượu. Tôi không quen với thói quen này. Tôi muốn an ủi... Nhưng hình như điều ấy không đủ.

-- Bà có gặp những khó khăn khác ?

-- Chúng tôi hạnh phúc, chỉ trừ những khi anh ấy ngần ngại đánh thức tôi dậy khi tôi mệt.

-- Bà hẳn có một lối ổn định cho riêng bà ?

-- Tôi nhu mì với cả chính tôi lẫn với những người chung quanh. Tôi thuyết phục, làm êm dịu những khó khăn hơn là thống trị hay dẹp tan. Tôi yêu thích một vị trí hòa hợp cân đối và an bình.

-- Bà có nghĩ đó là một hình thức bà tích lũy những bực dọc và một ngày nào đó những điều ấy sẽ nổ ra một cách khủng khiếp.

Trên đường về, Hường đem chuyện ra kể cho bạn nghe:

-- Nữ nghĩ xem. Làm sao chị nghe được lối giải thích ấy trong khi bà ta cứ bắt chị phải nghĩ đến bản thân chị trước.

Nữ vừa lái xe vừa lắng nghe câu chuyện.

-- Chị không thấy điều ấy hợp lý phần nào sao ?

Hường vuốt tóc bé Thảo đang úp mặt vào ngực nàng ngủ một cách say sưa. Nàng nói :

-- Với chị, đời sống gia đình không phải chỉ là một thứ gì riêng tư nữa. Đó là một hình ảnh chung giữa chị, anh Thắng và những đứa con. Bao nhiêu năm sống chung cùng nhau, chia sẻ với nhau bao nhiêu đắng cay mặn ngọt, tình nghĩa tràn đầy. Chị đã có thể đau được cơn đau của những đứa con mình, chị đã có thể vui được niềm vui của

anh ấy. Cái hình ảnh ấy lớn hơn và nó xứng đáng để xây đắp duy trì hơn là những nhu cầu riêng của chính cá nhân chị. Điều nào lớn hơn điều nào ?

Nàng ngừng lại sau khi đã nói cho Kim Nữ nghe những điều nàng đã không nói cho người nữ y sĩ nghe. Làm cái điều này nàng nghĩ: có lẽ thiết thực hơn là một cuộc gặp gỡ với một y sĩ tâm lý. Bởi Nữ thân và hiểu nàng hơn.

Nữ không để dở câu chuyện.

-- Chị có nói cho bà ta nghe điều chị đang nghĩ không.

Hường cười giòn:

-- Chị nói anh văn ú ớ. Nên không.

Nữ nói:

-- Hay tại chị không bắt gặp sự thân quen trong ngôn ngữ đấy chăng ?

***

Một buổi chiều, Thắng đi học về. Gặp Hường đang ngồi với Thu và Thảo ở phòng khách. Mắt nàng đỏ hoe. Trên tay cầm một lá thư. Hai đứa bé ngồi cạnh mẹ, mặt mày buồn thiu. Thắng đến bên vợ, hỏi nàng:

-- Chuyện gì vậy ?

Hường nước mắt tràn ra, nói với chồng:

-- Em vừa mới được thư nhà từ Việt Nam.

Thắng cầm lấy lá thư trong tay vợ. Chàng bỗng ao ước rằng chàng có thể vò nát bức thư lại; quăng vào thùng rác bên cạnh. Tuy vậy chàng cố tạo ra giọng nói vui vẻ với vợ:

-- Ơ hay chửa. Được thư nhà thì phải vui lên chứ ai lại làm như thế. Không được thư thì cũng khóc mà được thư rồi cũng khóc là làm sao !

Hai đứa bé thấy bố vui nên cũng tươi tỉnh lên. Thu vít tay Thắng hỏi:

-- Mẹ nhớ ngoại mẹ khóc hả bố ?

Hương kể lể?

-- Bố bị gửi đi học tập ngoài Bắc cả mấy năm nay không một tin tức gì. Mẹ càng lúc càng héo hon, chẳng buôn bán gì được. Ba đứa em chẳng đứa nào còn có thể tiếp tục đi học. Cả ba cùng đi làm chung lại nuôi nhau cũng không thấm vào đâu so với tình trạng thiếu thốn chung bây giờ.

Thắng đọc lướt qua lá thư. Thư được viết trong một tờ giấy học trò mỏng với ba nét bút viết chì chít không chừa một khoảng trống nào. Những hàng chữ đập vào mắt Thắng như một nhịp búa gõ vào lồng ngực chàng. Chàng thấy một cái nhói trong lòng tựa như cái đau buốt của chàng thiếu niên không phô diễn được tình yêu tuyệt vọng của mình. Hàng chữ của Thu Ngân, đứa em út mười lăm tuổi của Hương cô đọng: *" Anh chị ở bển ấy sung sướng mong anh chị đừng quên chúng em đói khổ ở đây"* Thắng xếp thư lại, vỗ vai Hường.

-- Như vậy biết được tin của nhà là điều đáng mừng rồi. Để xem có cách gì gửi về giúp mẹ và các em.

Hương nghe lời chồng an ủi được dịp tuôn ra:

-- Hai ba năm nay em cứ tưởng dù thay đổi chính phủ mẹ vẫn còn giữ được tiệm tạp hóa ấy để sống qua ngày. Bố đã già, đâu làm gì lớn lao trong chế độ cũ, nờ nào họ bắt bớ đi học tập xa xôi vậy. Ngôi nhà ở đường Trương Minh Giảng cũng đã phải bán đi, bây giờ cả nhà dọn về một khu lạ hoắc ở ngoại ô. Ba đứa em làm lũ thế cũng chẳng được bao nhiêu bữa ăn đầy đủ. Đứa nào viết thư cũng than đói.

Nói đến đây nàng lại nghẹn ngào, nước mắt tràn trụa, gục đầu vào vai chồng.Thu ôm lấy mẹ.

-- Mẹ ơi đừng khóc.

Thắng mang lại cho vợ một ly nước cam. Chàng trấn an vợ:

-- Để hôm nào anh kiếm thêm việc làm buổi tối. Làm thợ điện, thợ hồ ở hãng anh Xuân. Tha hồ cho em

mua phô-ma đầu bò với lại sô-cô gửi về nhà.

Rồi chàng tiếp:

-- Chà, ngôi nhà cũ của vợ chồng ta được anh cán bộ nào chăm sóc cẩn thận. Mấy cây vú sữa sau nhà chắc là phải sai trái.

Hường thấy chồng vui vẻ nên cũng mỉm cười:

-- Còn bà Ba bán chè đậu ván hay gánh đi qua nhà mình buổi trưa, bây giờ bống thành công chức trong uỷ ban cách mạng thành phố. Trời ơi, thật là may mắn.

Nàng trở lại chuyện cũ về mẹ nàng và mấy đứa em.

-- Thật là tội nghiệp. Đứa nào cũng dặn chị có gửi thì gửi áo quần cũ. Nếu là đồ mới thì cũng ráng làm cho cho nó cũ đi như vậy chúng em mới có thể mặc được.

Thắng nói:

-- Để hôm nào ra chợ trời kiếm thiếu gì đồ cũ ở đây.

Hường trách yêu chồng:

-- Vậy mà anh vẫn đùa được.

Thắng thấy vợ đã nguôi ngoai bèn nhắc lại dự tính đi chơi cuối tuần với mong muốn làm cho vợ nguôi đi phần nào nỗi lo lắng buồn bã.

-- Để cuối tuần đi Santa Cruz. Anh vừa sửa cái cần câu. Tha hồ cho em câu cá.

Thu và Thảo mừng reo lên:

-- A đi biển Cruz hã bố.

Hường im lặng giây lát rồi nói:

-- Anh ạ. Hay thôi mình hoãn lại vụ đi chơi ấy. Em nghĩ nếu mình dành món tiền ấy mua sắm đồ gửi về nhà. Có lẽ mẹ và các em cần hơn.

Thế là buổi cắm trại mà đã lâu lắm hai vợ chồng chàng thấp thỏm thực hiện cả nhà đã định đi vào cuối tuần này đành hoãn lại.

***

Lá thư từ Việt Nam gửi sang có một tác động mạnh. Sau hai tuần lễ bàn cãi nhau. Vợ Thắng quyết định gửi

con cho người giữ trẻ để đi làm. Thắng bàn với vợ để chàng đi học ban sáng và làm thêm ban tối. Chàng muốn Hường ở nhà vì bé Thảo còn nhỏ. Hơn nữa sức khỏe của Hường không lấy gì làm khả quan lắm. Nhưng Hường nhất cần. Ý muốn giúp đỡ gia đình ở Việt Nam thúc giục nàng cần phải đi làm. Nàng muốn thật sự tham dự vào công việc ấy. Thắng thấy không thể nào ngăn cản được vợ nên chàng để Hường hành động theo ước muốn của nàng.

Hường kiếm được một việc ráp nối đồ dùng điện ở một hảng điện tử nọ với một mức lương rất khiêm tốn.

Từ dạo Hường đi làm, thời giờ của cả gia đình trở nên eo hẹp hơn. Hàng ngày Hường dậy sớm sửa soạn cho Thu và Thảo. Thu dọn một vài việc nhà. Buổi chiều tối sau khi tan sở nàng loay hoay làm cơm chiều, dọn dẹp nhà cửa và vội vàng đi ngủ sớm dưỡng sức cho ngày mai. Khoảng thời gian rảnh rỗi trong gia đình không còn nữa. Khoảng thời gian ấy dù là để chẳng làm gì cả bỗng mất đi.

Nhà chỉ có một chiếc xe. Do đấy ngày ngày Thắng phải đưa đón vợ và hai con. Ngoài thời gian ở lớp học. Thắng học ngấu nghiến trong thư viện.

Hường đi làm được khoảng hai tháng. Nàng gầy và tiều tụy hơn. Hai đứa bé đã bập bẹ học tiếng Anh từ người giữ trẻ. Thảo bắt đầu thay thế tiếng mẹ bằng tiếng mami và Thu đã bắt đầu đối thoại với em bằng tiếng Anh.

Một buổi tối vào giường ngủ. Thắng một lần nữa bảo vợ:

-- Hay thôi, em ở nhà đi. Để anh đi làm thêm. Thấy em gầy và hai con không được săn sóc đầy đủ. Anh không an lòng.

Hường gạt lời chồng:

-- Mình rán chịu cực một thời gian. Em đi làm cực nhưng không cần để tâm trí như anh. Anh cần để tâm trí vào việc học hơn.

Thắng cảm động vì lời nói của vợ. Đồng thời chàng cũng thấy mình không mạnh đủ để thuyết phục vợ cái ước muốn của mình. Chàng thấy mình bỗng nhún nhường hẳn đi. Cái nhún nhường của một người không mấy yếu

thích những sự việc xảy ra không như ý muốn của mình.

Thắng choàng tay ôm Hương gọn vào lòng. Vai Hương gầy hơn. Hương dúi đầu vào ngực chồng nói:

-- Em hiểu và thương mình.

Đêm ấy. Thắng thấy vợ mình rất tha thiết.

***

Trên đường đến đón Hương tan sở làm. Mỗi chiều, Thắng thường ghé vào một thư viện của khu phố, để ôn lại bài vở. Thỉnh thoảng chàng tạt qua phòng báo chí để xem báo.

Phía đông của phòng đọc báo có một ô kính cửa sổ lớn trông ra một thảm cỏ xanh rờn. Hàng rào cuối bãi cỏ là một hàng cây cao già, cành lá xum xuê. Từ trong cửa sổ người ngồi có thể nhìn xuyên qua những gốc cây già nua ấy một con đường cái quan, những cánh đồng hoang và những triền đồi cong tròn lẳn, mềm mại uốn lượn hoặc như đang phục lấy những chân trời mơ ước. Những chiều cuối đông. Bức màn cửa sổ được kéo lên. Bầu trời xám đục. Khung cửa kính như một bức tranh sống lôi hút, ở phía đông căn phòng.

Cũng ở đấy, Thắng thường gặp một thiếu nữ quen thuộc ngồi xem tạp chí. Thiếu nữ trạc ngoài đôi mươi. Mái tóc đen và khuôn mặt của nàng nổi bật giữa khung cảnh tràn đầy màu sắc xứ người. Nàng có khuôn mặt rộng, hai gò má nổi bật, làn da xanh trắng muốt và đặc biệt đôi mắt lớn màu nâu thật mơ màng. Thiếu nữ thường vận những hàng vải nhẹ, màu sắc thanh tao. Nhưng bù lại nàng luôn luôn ủ người trong chiếc áo lạnh ấm dày màu nâu. Nàng luôn luôn ngồi ở chiếc ghế bành kê gần ô cửa kính để có thể nhìn ra khung cảnh quang đãng rộng dài ở bên ngoài. Hình ảnh ấy như một bức tranh thơ mộng trọn vẹn, lôi cuốn cái nhìn của Thắng mỗi lần chàng ghé ngang phòng đọc báo.

Tuần lễ sau đấy. Tình cờ cả hai biết nhau là người đồng hương. Họ nói chuyện với nhau.

Thắng gợi chuyện:

-- Cô đọc thơ của Rilker thú vị chứ ?

Ngọc, tên người thiếu nữ, nở nụ cười xa xôi. Đó mắt nàng có những dường viền nước long lanh.

-- Nếu thú vị thì cũng chỉ một nữa. Bởi vì được đọ thơ bằng tiếng mẹ thì mới thú vị được trọn vẹn.

Thiếu nữ có lối nói làm Thắng thầm nghĩ lời nó cũng đi đôi với khuôn mặt nên thơ của nàng. Nàng nói:

-- Thư viện này nhỏ, không có lấy một quyển sác Việt nào. Tôi đành đọc thơ tiếng anh. Một người rảnh như tôi có thể xử dụng trí tưởng tượng nhiều.

Ngọc giải thích. Nàng vừa trải qua một cuộc giả phẫu một bọng máu trong hốc mũi và sụt cân khá nhiều v còn bệnh. Nàng đang trong thời kỳ dưỡng bệnh. Nên nàn có nhiều thời giờ rồi để đến đọc sách tiêu khiển.

Ngọc rất thích thơ. Nhất là kể từ ngày tỷ nạn. Nàn nói: Đọc được một bài thơ hay như ngậm được một viê thuốc chữa bớt cơn nhớ cố xứ được một lúc.

Nàng tâm sự:

-- Làm một kẻ sống xa xứ. Có nhiều thứ thèm nhớ kỳ lạ. Chẳng hạn tôi thèm nhớ tiếng Việt khủng khiếp. Một bài thơ hay. Cái quyến rũ của ngôn ngữ. Khi được ngườ thi sĩ trau chuốt nhão nặn, nó làm mình bàng hoàng ngây ngất. Sau đấy mới biết là vị thi sĩ ấy vừa giải tỏa hộ nỗi uẩn của mình.

Thắng nói:

-- Tiếng Việt gọi là Thơ Mộng. Có mộng mơ thì mới cảm nhận chất thơ trong đời sống được. Cô cơ cả hai.

Người thiếu nữ e lệ nói lạc:

-- Có lẽ vu vơ. Vu vơ làm người ta loay hoay. Phải vậy không anh ? Những bài thơ đầu tiên tôi đọc được trong tập thơ chép tay của người chị. Năm tôi học lớp nhì Tôi còn nhớ mãi cái cảm giác đầu tiên ấy. Nó đi theo hoà như một ám ảnh. Nó thần mật và vỗ về. Xui lòng cô bé lên

chín lên mười rừng rừng đứng nhìn con đường rầy xe lửa rỉ mục sau ngôi trường lặng. Mơ một chuyến tàu của Tế Hanh không bao giờ đi qua. Mười mấy năm sau, đứng trên một mảnh đất lạ, mơ một vạt nắng tháng tư và những cơn gió hè mà cô học trò nhỏ đã nhìn thấy trong lúc đứng chờ chuyến tàu vô vọng. Anh có thấy nó kỳ quặc không ?

***

Những cuộc gặp gỡ giữa Thắng và Ngọc cứ như vậy mà xảy ra thường xuyên trong thư viện. Hôm nào cách khoảng hai ba ngày không gặp Ngọc, Thắng thấy phòng đọc báo thật trống vắng, Thắng thấy nhớ những cuộc đối thoại với nàng. Những lúc nàng mỉm cười lắng nghe chàng nói, khuôn mặt nàng mở rộng như những khuôn mặt trong một lớp học ngày nào. Và kỳ lạ hơn cả lá nét xanh xao yếu bệnh của nàng gợi lên trong lòng chàng cảm giác mơ hồ cũ kỹ như những ngày chàng còn ở quê nhà. Tất cả ngần ấy thứ, đi đôi với khung cửa kính của thư viện, tàng lá xanh um ngoài bầu trời và những ngọn đồi xa xa kia là một hình ảnh khó phai trong đầu óc Thắng. Hình ảnh ấy đến đúng lúc tâm hồn chàng đang ngất ngư. Nó khỏa lấp nỗi khao khát mơ hồ. Nó nhịp nhàng với một nét điệu không tên tuổi trong tâm thức chàng. Mà đã lâu lắm rồi kể, từ ngày chạy nạn sang xứ người chàng không còn kiếm thấy.

Nhưng như một diễn viên trên sân khấu đã kéo màn. Họ diễn trọn vai trò của mình liên tục. Đằng sau chiếc mặt nạ ấy, mỗi người tự đóng cánh cửa của của mình lại, không ai biết mỗi người đã lạc trong vai trò của mình như thế nào. Quyển sách khép hờ trên bàn, hàng chữ của Ngọc, và những câu thơ nhoài tới như một âm thanh lửng lơ.

Đấy là buổi sáng thứ hai. Thắng ở nhà một mình, Chàng nhận được điện thoại của người nữ y sĩ tâm lý. Khi được biết Hường đã đi gặp người nữ y sĩ tâm lý và nàng đã không hề cho chàng hay biết. Thắng thấy bứt rứt. Chàng không tưởng tượng ra được lý do nào thúc đẩy Hường

làm điều ấy. Chăng không hiểu được Hường đã có những lo âu não riêng tư đến nỗi nàng không thể nói với chăng và phải nhờ đến một người thứ ba chia sẻ. Suy nghĩ lan man suốt ngày. Buổi chiều trước khi đến đón Hường, Thắng lại ghé qua thư viện của khu phố. Gặp Ngọc đang thư thả xem sách.

Ngọc vận một bộ đồ hàng nĩ màu xanh ngọc, vấn chiếc khăn choàng cổ lụa màu mỡ gà, vẫn ủ mình trong chiếc áo lạnh dày màu nâu. Nàng đã bớt xanh nhưng khuôn mặt vẫn còn nét yếu bệnh. Ngọc vẫn ngồi ở chiếc ghế bành cũ. Bên ngoài; trời vừa mới sang xuân. Ánh nắng non lướt trên luống hoa và thảm cỏ trước thềm cửa sổ. Những tăng lá xanh um của hàng cây cổ thụ như tươi sáng hơn trước ngọn gió và ánh nắng đầu mùa. Vẫn bức tranh ấy gây nên trong lòng Thắng cảm giác cũ.

Họ trao đổi một vài câu chào hỏi. Cả hai trở lại theo dõi tờ báo, quyển sách đang cầm trên tay. Một lát, Ngọc dừng lại nói:

-- Em sắp dời khỏi đây trong một vài hôm nữa. Những ngày dưỡng bệnh thế là sắp chấm dứt.

Thắng bỗng thấy bức tranh ấy: Người con gái bên khung cửa. Bỗng lung linh hơn.

Chăng nói:

-- Như vậy cô Ngọc đã bình phục rồi chứ?

-- Cũng chưa bình phục hẳn. Ngọc nói. Nhưng có lẽ em phải về lại trường cũ, sửa soạn đi học trở lại.

Nàng nhìn ra khung cửa sổ. Đôi mắt nàng lướt đi một cái nhìn ngàn dặm. Nàng buông lơng giọng nói:

-- Anh nhìn thấy những con ngựa đang cúi đầu gặm cỏ ngoài những cánh đồng kia. Như một bài thơ. Em ước gì mình có thể ngắt được giữa cảnh hoàng hôn nay như đã nhiều lần đứng sững sờ trên những núi đồi hoàng hôn ở Đơn Dương, Đà Lạt. Buổi chiều ngoài kia, đẹp quá. Nhưng mãi mãi nó chỉ là một thứ mê man nhìn ngắm. Một lời cuốn ngoại cảnh. Đằng cuối những cơn hôn mê ấy vẫn là

những lạnh lẽo của đất trích. Những bóng ma âm hồn tự nạn không nơi nương tựa.

Thắng nhìn ra cửa sổ. Rồi nhìn Ngọc:

-- Một bức tranh tuyệt vời.

Ngọc so những ngón tay vào nhau. Bàn tay nàng xanh gầy nõn nà.

-- Chỗ em sống, Ngọc nói, mỗi người hì hục ăn làm, giải trí, nghỉ ngơi. Em cũng vậy. Đi học mù mịt. Cuối tuần lại phải đi làm ở một quán ăn Tàu. Khó lòng tìm được những giây phút thư thả như thế này lắm.

Thắng vụt nói:

-- Tôi có thể mời cô xuống phố uống một tách cà-phê chứ ?

Ngọc nhìn vào ngón tay đeo nhẫn của Thắng. Nàng nhìn đi nơi khác trả lời:

-- Em ngại làm một xúc phạm. Cám ơn anh.

Thắng không ngạc nhiên về sự từ chối của Ngọc. Chàng nói:

-- Hôm trước tôi hứa chỉ cho cô một ô kính ở một quán cà-phê dưới phố. Nơi đấy cô có thể nhìn xuống một góc phố hỗn tạp nhộn nhịp. Rồi cô cũng thấy hình ảnh trong ô kính ấy thật trọn vẹn.

Ngọc nhìn xuống những trang sách đang khép hờ. Nàng nở một nụ cười ý nhị:

-- Vâng em biết. Trước Lầu Ngưng Bích. *"Bốn phương mây trắng một màu"*

Một giây. Nàng mở đôi mắt rộng hơn:

-- Một tách cà phê lúc này. Ừ nhỉ, thật là ấm bụng. Hay chúng ta đi.

***

Thắng cứ định để hôm nào sẽ kể lại cho Hưởng nghe về người thiếu nữ trong thư viện và hỏi nàng về cuộc gặp gỡ

của nàng với người y sĩ tâm lý. Nhưng đã mấy ngày chàng vẫn chưa tìm được một dịp thuận tiện. Cả hai bận rộn với nhiều việc.

Ngày thứ sáu, thi xong môn anh văn cuối c Thắng ra khỏi trường. Nhìn lên đồng hồ mới chỉ giờ chiều. Chàng ghé lại nhà người giữ trẻ đón con hơn thường lệ. Nhưng cửa nhà đóng kín. Có lẽ bà tá Thu và Thảo đi dạo ở một công viên nào đó chưa về.

Thắng lái xe ra khỏi nhà người giữ trẻ. Như nh lần trước, có thể chàng quẹo về hướng thư viện của phố, nơi chàng thường gặp Ngọc. Lần này, chàng lái về hướng nhà trọ của Hiển. Hiển vẫn còn theo h Chicago, Căn phòng để trống. Thắng đến phòng Kiếm chiếc chìa khóa dấu dưới khóm hoa trước pl Chàng vào phòng. Cơn mệt mỏi từ đêm qua vì thức k sửa soạn bài vở còn đọng lại trong đầu. Thắng đến b lạnh kiếm thấy trong chai rượu của bạn còn sót lại góc cạn. Chàng đưa lên tu một hơi sạch. Thắng để gi đồng hồ báo thức là ba giờ ba mươi, nửa giờ trướ Hương bãi sở. Chàng leo lên giường bạn đánh một Định bụng chiều nay trên đường đón Hương đi là chàng sẽ kể cho vợ nghe những điều chàng đã nghĩ.

Vừa đặt mình xuống giường nệm, Thắng đã ngủ một giấc ngon lành. Trong giấc ngủ Thắng nằ thấy mình biến hình thành một chàng dũng sĩ. Mình áo giáp, hông mang kiếm bạc phóng từ ô cửa kính Trên lưng ngựa chàng cặp theo Hương nhưng khuô có đôi mắt người thiếu nữ bên cửa sổ. Từ trong kính chàng nhìn thấy những cánh đồng phía ngo những cánh đồng ruộng phì nhiêu của quê chàng: Cần Nhưng khi phóng ngựa gần đến nơi những cánh đồng thành một giàn nhạc đại hòa tấu đang trình diễn hò khúc của Bethoveen. Tiếng nhạc hòa lẫn trong tiếng hồ reng đánh thức chàng dậy.

Chàng thức dậy đến bên bể rửa mặt vục mặ nước lạnh. Nước mát làm chàng tỉnh táo. Nhìn lên

hồ treo tường kim đồng hồ vừa chỉ ba giờ bốn mươi lăm.

LÊ THỊ HUỆ

****

XIN ĐỌC VÀ PHẢI ĐỌC **KIM ĐỊNH**

– để đóng góp vào đề nghị thành lập một bộ sách cho dân tộc, một QUÊ HƯƠNG BỎ TÚI.
– để thấy sự LẦM LẠC CÙNG CỰC CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN, SỰ TỤ HỦY CỦA BỌN NGƯỜI TÀN PHÁ DÂN TỘC CHÚNG TA.
– để bàng hoàng trước sự TUYỆT VỜI TRONG TƯ TƯỞNG CỦA TỔ TIÊN VIỆT TỘC *so với tư tưởng thế giới.*

HỒN NƯỚC VỚI LỄ GIA TIÊN

NHÂN CHỦ

KINH HÙNG

SỨ ĐIỆP TRỐNG ĐỒNG

HỒN NƯỚC VỚI LỄ GIA TIÊN *phát hành đầu tháng 8–1979, giá 6.00. Ngoài Hoa kỳ xin gửi thêm $1.00 cho cước phí máy bay. Những tác phẩm khác đang in.*
Thư tử, ý kiến xin đề: ĐẶNG TRƯỜNG

MAI QUYÊN
P.O.Box 3697
San Jose, CA 95156
USA

Sách có bán tại các hiệu thực phẩm Việt nam.

nắng vàng quê hương

Ta gặp nhau một chiều nắng quê hương,
Áo em vàng như màu nắng sân trường,
Ta mang nắng nhốt vào trong lớp học,
Đến giờ chơi, ta thả nắng tung bay.

Nắng ở đây nắng khác nắng xưa nay
Ta xem kỹ không phải là nắng cũ
Ta dụi mắt hỏi chẳng ta mơ ngủ
Nắng lên rồi lòng sao lạnh lắm thay

Hỡi anh em còn nhớ màu nắng cũ
Nhắc dùm ta ta còn đứng chờ đây
Ta kiên nhẫn còn hơn già Lã Vọng
Ngỗ ngày thăm nắng cũ tới rồi đây.

ĐÀO NGUYÊN

mai ta xuống núi

Ta ôm em ngủ giữa trời
Câu kinh ban sáng chữ lời đã quên
Trăng con gái nằm chênh vênh
Yêu em mới biết đời mênh mông đời
Giang tay ta gọi ta mời
Này em này nguyệt này người trong ta
Sá gì một cuộc sát-na
Mai ta xuống núi ngợi ca ái tình.

NGUYỄN QUI NHƠN

tình thơ giao cảm

Mến gửi Cao Tiêu, Phan Lạc Tiếp
và những Tình-Thơ-Chưa-Gặp.
X.H.

Có những Tình-Thơ-Chưa-Biết-Mặt
Muôn trùng xa cách những Bàn Tay
Ngàn xưa cánh mỏi chim hồ hải
Chỉ đẹp khi còn khuất bóng mây

Đừng ngại Tình-Rừng xa Đại-Dương
Nối chi trơ trẽn những con đường !
Trời-Thơ-Siêu-Việt qua Giao-Cảm,
Đã gửi Bàn-Tay tới viễn phương...

Kìa nét Ngàn-Xưa gửi Lớp-Sau
Nước trôi dòng cũ nhớ giang đầu
Rêu phong mùa trước tường tư Đá
Những cát bồi thương nhớ Biển dâu

Ta nhận tờ thư nhận Tấm Lòng
Thu-Vàng-Quê-Mẹ thoáng bên song
Chợt Mùa-Xuân-Bạn về trong mộng
Kèm ở tờ thư :một-đóa-hồng...

Ôi những đường đời nhọn những gai
Rừng-Đêm vẫn nhớ Tình-Sông-Dài
Mây nghiêng xuống Cỏ, Trời thương Đất
Nụ-Cuối-Hoàng-Hôn nhớ Nắng-Mai

Hãy góp về nhau những giấc mơ.
Mây không còn bỏ suối bơ vơ.
Hoa còn nhớ Gốc, Rừng thương Lá
Vũ trụ tưng bừng hiển hiện Thơ.

XUÂN HIẾN

4–79

BÀI MƯA CHO MÂY HẠ

Buổi sáng mưa rất khẽ
Ta không muốn đến trường
Nằm lười như mèo ốm
Hạ đến thoảng nh-ư sương

Nhớ Hạ xưa tóc dài
Mỗi ngày qua Cường Để
Trời nhỏ mưa rất nhẹ
Vừa đủ ướt đôi vai

Mấy năm rồi không gặp
Đời ta trôi miệt mài
Hạ còn qua trường Dược ?
Tóc năm xưa vẫn dài ?

Mưa Fordham sướt mướt
Ta ngồi hát một mình
Bài hát đầy thương nhớ
Bài hát buồn như cuộc tình.

L. TRẦN

AT

VÀI GHI NHẬN VỀ SỰ ĐỐI KHÁNG
CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN VIỆT NAM
CỦA DÂN CHÚNG
QUA CÁC HÌNH THỨC

văn học dân gian truyền khẩu

Kho tàng văn học dân gian truyền khẩu của dân tộc Việt nam rất phong phú. Người Việt vốn có máu "thi sĩ", lại rất trào phúng, dí dỏm nên đã sử dụng nhiều hình thức văn học truyền khẩu khác nhau như chuyện khôi hài, những câu nói lái, những câu ca dao có âm điệu đọc lên nghe rất êm tai, dễ nhớ... để, khi thi diễn đạt tâm tư tình cảm của mình về tình yêu đôi lứa, nghĩa vợ chồng, cha mẹ, tình bằng hữu... nhưng cũng có khi như là một vũ khí đấu tranh sắc bén, phê phán xã hội mình đang sống; ca ngợi khi nhà cầm quyền biết chăm lo đến hạnh phúc của dân, biết "lo trước cái lo của dân, vui sau cái vui của dân"; hay ngược lại, phản kháng, lên án, mai mỉa khi nhà cầm quyền đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân, chà đạp lên sự đau khổ của nhân dân.

Từ sau ngày 30-4-75 - ngày Cọng sản chiếm trọn miền Nam và áp đặt chế độ vô sản chuyên chính - chúng tôi ghi nhận được sự phát triển rất mạnh mẽ các hình thức văn học dân gian truyền khẩu này, rất phong phú và đa dạng như những câu vè, ca dao, nói lái, chuyện khôi hài; sửa lại khẩu hiệu của Nhà Nước, sửa lại lời ca điệu

hát của các bản nhạc đang phổ biến. Bên cạnh những sáng tác ở miền Nam còn có một số du nhập từ "miền Bắc xã hội chủ nghĩa" do bà con mang vào phổ biến trong " những phút nói thật". Nội dung của các loại này đều phản kháng lại sự hà khắc, độc tài, đối trá của nhà cầm quyền, mỉa mai châm biếm cán bộ, châm biếm các chính sách chủ trương của Nhà Nước, nói một đàng làm một nẻo.

Hình thức đấu tranh này, dù tiêu cực, cũng đã gây ra những tác động mạnh mẽ trong tâm lý quần chúng. Điều đặc biệt là các loại này, dù truyền khẩu, đã lan rộng cùng khắp và rất nhanh chóng: từ tỉnh lẻ đến thị thành, từ miền Trung đến miền Tây, từ em nhỏ đến người lớn, từ một bà bán hàng rong ngoài chợ đến một anh giáo viên trong trường học... Chúng ta có thể nghe một bà buôt miệng thốt lên trên xe buýt, nghe các em nhỏ hát trong lúc người lớn nhìn nhau cười thú vị mỗi khi không thấy bóng áo vàng của công an. Người ta rỉ tai nhau, kể cho nhau nghe những mẩu chuyện mới, những câu ca dao mới và cười thoải mái với nhau.

Phản ứng của Nhà Nước như thế nào ?

Dĩ nhiên họ không thể không nhìn nhận tác dụng lớn lao của các hình thức phản kháng này nên xếp vào loại " tuyên truyền phản động, nguy hiểm". Nguy hiểm là đúng. Mỗi khi có một chủ trương, chính sách, khẩu hiệu gì mới là có ngay những câu vè, ca dao, chuyện khôi hài đánh ngay vào yếu điểm và gây ra những tác dụng ngược lại với ý đồ của Nhà Nước trong dân chúng. Vì thế, họ đã kết án gắt gao, bắt giữ, kết án phản động và đưa đi " cải tạo " những kẻ nào phổ biến, nhưng họ không ngăn nổi mà lại làm phát triển mạnh hơn. Bắt và cải tạo hoài cũng chán.- Bởi làm sao mà bắt và " cải tạo " được ý nguyện của dân - Hơn nữa, sự thật phơi bày rõ ràng ra đó, làm sao bưng bít, che đậy và tuyên truyền dối gạt được. Đành phải làm lơ.

Về chuyện khôi hài thì rất nhiều. Có những chuyện châm biếm việc tiến lên Cọng sản chủ nghĩa - ở đó con người làm việc theo năng suất và hưởng thụ theo nhu cầu, không có cảnh người bóc lột người qua chuyện " 17 cây số ". Mỉa mai việc " tiến nhanh, tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" có chuyện " *Thượng đế khóc*". Phản ảnh sự lo lắng của dân chúng về những khốn khổ ở vùng kinh tế mới có chuyện " *Con bò, ấn độ*". Bày tỏ khao khát của dân chúng trong việc tìm một lối thoát hiện nay có chuyện " *Trần Hưng Đạo chỉ tay*".... Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi giới hạn về những hình thức khác như vè, ca dao, nói lái, sửa lời ca, khẩu hiệu.

***

Nếu các nhà Văn học sử Cọng sản Việt nam thường ghi nhận và dẫn chứng các câu ca dao trong thời phong kiến để mô tả sự lầm than khổ nhục của dân, chứng minh lòng dạn thán oán vua quan, như việc xây lăng dưới triều Nguyễn :

Vạn niên là vạn niên nào
Thành xây xương lính hào đào máu dân

thì họ nghĩ sao về các câu ca dao, nói lái, phản kháng chế độ Cọng sản Việt nam hiện nay ? Họ có được phép ghi vào văn học sử không ? Họ có dám noi gương Tư mã Thiên không ? để sau này con cháu đọc lại mà hiểu được một cách trung thực một giai đoạn lịch sử trong đó cha ông đã sống như thế nào.

Dân chúng oán thán, phủ nhận các giá trị mà Nhà nước Cọng sản, qua tuyên truyền và ép buộc, bắt họ phải tôn sùng; lên án chính sách độc tài khắc nghiệt, bắt dân tuân phục mà không được phân vân, bằng cách nói lái lại những câu khẩu hiệu của Nhà Nước đưa ra (gậy ông lại đập lưng ông).

" Lộng kiếng" ảnh bác đế "' liệng cống"

hay Con đường " bác đi" là con đường " bi đát"

Mỗi sự kiện trong đời sống là một đề tài, một nguồ hứng để sáng tác. Người Cọng sản Việt nam thường dùn chữ " ta" trong ngôn ngữ. Chính chữ " ta " này là đề tà cho không biết bao nhiêu mai mỉa vì "ta" thì gì cũng nhất cũng hay ho vĩ đại cả, nhưng sự thật đang trải đấy thì ôi, thôi ! Dân chúng liên tưởng chữ "ta" này với sự việc treo bảng đỏ cùng khắp phố phường (cái gì cũng bảng đỏ chũ vàng: khẩu hiệu, tên cơ quan Nhà nước, bệnh viện, trường học, cửa hàng bách hóa... đường phố toàn màu đỏ) đến ước vọng thoát ra khỏi sự kèm chế ngạt thở của Nhà cầm quyền Cọng sản.

Treo "bảng đỏ" để "bỏ đảng" bởi vì "đảng ta" "đã tan"

hay nói lái lại 3 chư mà Cọng sản Việt nam dùng để chỉ việc họ chiếm miền Nam năm 75 là " Đại thắng lợi" thành " đợi thắng lại". Sự "lãnh đạo thiên tài" được đánh giá:

Trển thì mác-xít
Giữa thì bưng bít
Dưới thì bợ đít
Họp hành thì qua quít
Tiêu chuẩn thì chê ít
Thấy tiền thì mắt tít.

Bản thân người cán bộ là một đề tài khai thác không bao giờ cạn. Chao ôi là hình ảnh, cách lãm, cách sống của người đi " giải phóng ". Việc đầu tiên của họ khi vào Sài gòn là giành nhau nhà cửa, xe cộ, máy móc, mua đài, mua đồng hồ... cả trăm ngàn thứ khác mà chưa bao giờ họ nghe thấy, vì thế mà hai câu trong bài hát " giải phóng Sài gòn " của Lưu hữu Phước " Tiến về Sài gòn ta quét sạch giặc thù, tiến về Sài gòn giải phóng thành đô " đã trở thành " tiến về Sài gòn ta quét sạch đồng hồ, tiến về Sài gòn ta ôm hết ra-di-ô ".

Người ta mỉa mai, châm biếm cán bộ. Sao mà có thể dối trá, ngụy tín, ngụy biện được đến như thế ! Nói rất hay, chửi rủa rất tài, nhưng tham muốn đủ điều. Khả năng kém cỏi nhưng khoác lác vô cùng. Hô hào dân chúng làm việc gấp đôi, gấp ba, tăng năng suất, vượt kế hoạch để mau chóng tiến lên xã hội chủ nghĩa ! Với những bộ xương ư ! Nhưng rồi sao :

Một người làm việc bằng hai
Để cho cán bộ mua đài mua xe
Một người làm việc bằng ba
Để cho cán bộ xây nhà xây sân.

Trong lúc đó thì cán bộ " chân ngoài dài hơn chân trong ", nghĩa là đến cơ quan nói năng qua quít, khoa trương, nói dối, " động viên " người khác làm để mình về chạy ngoài kiếm thêm tiền. Rồi " mắt thứ hai, tai thứ bảy " nữa chứ. Sáng thứ hai đi làm việc mắt cứ kèm nhèm, chiều thứ bảy tai phải vểnh lên " nghe thời tiết, liếc đồng hồ, cắt cơm, bỏm xe " đông về nhà.

Thang giá trị của một người được danh giá :

Nhất thường anh có hộ Thủ đô
Nhì thường anh có bà cô Sài gòn
Ba thường anh có cái ra-đô
Bốn thường anh có đồng hồ xếch-cô

Có " bà cô Sài gòn " là một điều may mắn ghê gớm lắm, sẽ được chi viện cho nhiều thứ lắm nhưng vẫn đứng sau " có hộ thủ đô " vì đù sao Hà nội cũng dễ thở hơn các tỉnh khác ở miền Bắc. Và thường không dễ gì chuyển hộ khẩu về thủ đô đâu, vì làm gì đi nữa cũng phải " nhất thế, nhì thân, tam tiền, tứ chế " muốn được việc cần nhất phải có " thế " nghĩa là con cháu cán bộ lãnh đạo cao cấp, thứ đến là " thân ", chỗ thân tình " có qua có lại với nhau, lâu ngày rồi. Hai thứ trên không có thì phải có tiền và " chế " tức là chế độ, chính sách Nhà Nước đứng sau cùng.

Dân chúng còn giải tỏa sự uất ức của mình bằng cách chọc giận cán bộ. Như khi có kế hoạch dời mồ mả tập trung lại một chỗ gọi là " mả qui " dân chúng bảo nhau chắc " Mỹ qua " lại rồi. Cán bộ biết được đổi thành chiến dịch " qui mả " dân nói chuyến này mình sẽ " qua Mỹ ". Đành chịu.

Lề lối làm việc, quản lý như thế nào ? Muốn mua một món hàng thì

Trên tay cầm một món hàng
Đầu đội sổ sách vai mang chứng từ

và bao giờ " *Thủ kho* " cũng " *to hơn thủ trưởng* " cả.

Như thế đó mà dân chúng có oán thù cứ bảo " khó khăn là tạm thời do Mỹ ngụy để lại, thuận lợi là cơ bản !"

Đả kích, phản kháng Nhà Nước, mỉa mai, châm chọc cán bộ rồi, nhìn lại mình người dân có thấy gì đâu ngoài một màu u ám. Nếu là công nhân ư ? Ngày ngày đến nhà máy mang theo nửa lon mì sợi, nuối, họa hoằn lắm mới có bữa cơm (mỗi tháng một ký gạo) lãnh đồng lương chỉ đủ đi xe, uống nước cầm hơi, năm năm mới được xét tăng lương nâng bậc một lần. Đã yếu đau, còn tăng năng suất, vượt kế hoạch, họp Phường, họp tổ, học, nghị quyết... Nhà bán đồ đã hết. Đau lòng nhìn con cái nheo nhóc, không tiền ăn lấy chi mua thuốc, tương lai chưa biết đi về đâu mà phải ngồi bệt dưới đất hàng giờ nghe cán bộ lo lắng cho dân Mỹ đang thiếu hơi đốt trong mùa đông, giá xăng sẽ tăng, đồng đô la mất giá, tai nạn xe hơi có chiều hướng đi lên... Là nông dân ư, quần quật suốt ngày quanh năm suốt tháng để được chấm công. Sau vụ mùa đóng thuế, nghĩa vụ lương thực, tích lũy, chia ra đủ bữa cơm bữa cháo độn ngô khoai. Không hiểu bao nhiêu năm mới có tiền đi thăm một bà mẹ già khác tỉnh. Nhũng Nhà nước muốn dân " *Nghiêng ruộng đổ nước ra sông, Vắt đất ra nước thay trời làm mưa* ".

Người thanh niên nhìn về tương lai, qua hình ảnh người Cán bộ Cọng sản :

Đôi dép râu làm mòn tuổi trẻ
Mũ tai bèo che khuất tương lai

Mỗi khi thấy dân tình đã quá xao động vì không có gạo, vì những ưu tư tương lai, cán bộ tụ tập lại giải thích, trấn an :

Nhân dân không cần lo, đã có nhà nước lo

nói theo giọng Bũi chu, thành ra :

Nhân dân không cần no, đã có nhà nước no

Nhà nước hô hào nhân dân thực hiện " quyền làm chủ tập thể". Chữ " làm chủ " nghe nói cay đắng làm sao:

Nhân dân làm chủ, chính phủ mở tủ
hay *Nhân dân làm chủ, chính phủ thu tiền.*

Làm chủ là thế nào ? Phải có nhiều quyền hạn hơn người làm công chứ. Dân Việt nam hiện nay dưới chế độ Cọng sản có đủ mọi quyền tự do của con người: tự do ca tụng chế độ, tự do làm việc bằng 2 bằng 3, tự do phải đi bầu những ứng cử viên do Nhà Nước " đề nghị " ra và trước ngày bầu cử ông công an khu vực tụ tập dân lại tổ chức " mạn đàm " về các ứng cử viên rồi kết luận: theo tôi, đề nghị đồng bào bầu cho những ứng cử viên này. Trong lịch sử văn minh dân chủ của loài người có lẽ không đâu có được một lối bầu cử như thế. Dân còn có quyền tự do đến Phường, đến Quận xin giấy phép đi lại, có quyền tự do kinh doanh để sau đó Nhà Nước kiểm kê thu mua và mời đi kinh tế mới, niêm phong nhà cửa. Dân được tự do tư tưởng, tự do ngôn luận để rồi:

Lao động là vinh quang
Lang thang là chết đói
Hay nói là vô Đại lợi

Đại lợi là một khách sạn lớn ở đường Thoại ngọc Hầu được Nhà Nước Cọng sản dùng làm nhà tù.

Đời sống tinh thần được liên tưởng qua việc sửa lại tên đường phố. Nhà Nước Cọng sản Việt nam đổi tên Công Lý thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Tự Do thành Đồng Khởi, nên:

Nam kỳ khởi nghĩa tan Công lý
Đồng khởi vùng lên hết tự do

Khi học chính trị, nghị quyết, Cán bộ giảng xong thường hỏi đồng bào có ý kiến gì không cứ mạnh dạn phát biểu, nói sai thì được giải thích để sửa lại, không sao cả. Nhưng ai dại gì mà đưa tay xin nói. Thái độ tốt nhất để tồn tại là :

Nhất ngồi lì, nhì đồng ý

Những khẩu hiệu chính thức của Nhà Nước, đôi khi không cần sửa lời, nhưng dân chúng lại hiểu theo một nghĩa ngược hẳn. Để động viên thanh niên, Nhà Nước đưa ra khẩu hiệu :

Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên

có ý nói nào cần thì thanh niên có mặt, nói nào khó khăn thì cũng có thanh niên, nhưng lại được hiểu lại là " đâu cần " có nghĩa là không cần và " đâu khó " là để. Cán bộ thông tin biết được phải sửa lại: " Nơi nào cần thì thanh niên có mặt, nơi nào khó khăn cũng có thanh niên ".

Hay khẩu hiệu hô hào giữ vệ sinh

Nhà sạch nhà, phố sạch phố

lại được hiểu theo nghĩa " kinh tế ". Nhà cửa, phố xá sẽ sạch hết vì chẳng còn gì. Mỗi thứ " giả tạo ", tàn dư Mỹ ngụy để lại đã được Nhà Nước tịch thu và chở ra Bắc để quân bình kinh tế hai miền, ít nhất là trên mặt hình thức cho dễ coi. Các gia đình phải làm nghề " bán đồ ăn " không phải mở *restaurant* đâu mà bán vật dụng trong nhà để ăn: tủ bàn ghế, máy móc đến áo quần, chén đũa, vật kỷ niệm, sách vở và ngay đến những tấm tôn che nhà. Dần dần thì còn gì bán nữa mà sống đây ? Nhà chẳng sạch nhà,

phố chẳng sạch phố rồi còn gì.

Trong đời sống khốn khổ, ngạt thở, đầy lo âu này, nhưng với bản chất trào phúng, dí dỏm tiềm tàng trong tâm hồn, dân chúng cũng dùng những chữ đặc biệt để nói về tình trạng của mình. Thất nghiệp thì gọi là làm nghề " ra đô " không phải sửa radio mà " đi ra, đi về ". Về ăn uống thì vẫn " khoai ăn sang " là " sáng ăn khoai " dù rất ghét sự " bóc lột " phải bóc, phải lột củ khoai. Nhưng khoai cũng nào có tốt lành gì đâu như một bài hát mô tả:

Ai có qua Phường 15 Yên đổ
Thấy chúng đổ từng rổ khoai sũng

hay vui vẻ hơn, theo một điệu *soul* giựt giựt đôi chút:

Từ khi giải phóng vô đây mình đói dài dài
Từ khi giải phóng vô đây mình có khoai ăn

Dù mất mát đủ thứ, dân chúng vẫn còn có một chút " tự cạo " khi so sánh mình với những người đi "giải phóng"

Trai miền Nam như chim anh vũ
Trai bắc Hồ như khỉ mắc phong
Gái miền Nam như cành liễu rũ
Gái bắc Hồ như củ khoai môn
Chim anh vũ đậu mành liễu rũ
Khỉ mắc phong gặm củ khoai môn

Chắc chắn rằng các hình thức văn học nhân gian /khẩu phần kháng chế độ cầm quyền Cọng sản Việt nam hiện nay ngày càng phong phú và sẽ có những tác động rất lớn lao. Bài này chỉ phản ảnh được phần nào, không khỏi có những thiếu sót; nhưng qua đó đồng bào ở nước ngoài - nhất là đồng bào đã ra đi trước 30-4-75 - thấy rõ hơn bối cảnh xã hội mà bà con ruột thịt, anh chị em của chúng ta đang sống và tâm tư, mong ước của họ như thế nào.

NGUYỄN DIỄM

Hiệp Hội VIETNAMESE ARTISTS ASSOC.
bảo trợ Xuất bản các tác phẩm sau đây:

INK DROPS

(Tức cuốn "*NHỮNG GIỌT MỰC*")
của nhà văn LÊ-TẤT-ĐIỀU
bản Anh văn của JAMES BANERIAN
Đã phát hành. Giá : $5.00

Where you can see the whole rainbow

(tức cuốn "ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN")
bản Anh văn cũng một dịch giả.
Đang in

Hội sẵn sàng đón nhận các ngân khoản hoặc ủng hộ, hoặc cho vay, hoặc đặt mua sách. Những độc giả vui lòng tiếp tay với công cuộc văn hoá này, xin liên lạc với :

Ông LÊ SÁNG NGHIỆP
P.O. Box 19555,
San Diego. Calif. 92119

Ế !

L.T.S. Thiên đoản văn này đã in vào tập ẢO ẢNH, do nhà Thời Mới xuất bản năm 1967. Sở dĩ chúng tôi cho đăng lại là để bạn đọc tiện đối chiếu với bản dịch công phu của bạn Võ Đình ở phần sau.

V.H.N.T.

CÁC NHÀ CHUYÊN MÔN CHO RẰNG Ở CÁC làng mạc vắng vẻ tiếng động chỉ có chừng ba mươi *décibels* vào ban ngày và trên vài mươi vào ban đêm. Con người có thể chịu đựng thêm một chút ồn ào nữa cũng không sao, miễn là đừng vượt quá ba mươi lăm ban ngày và ba mươi *décibels* ban đêm. Thế nhưng ngày nay, tại những khu phố gọi là yên tĩnh nhất, vào đêm khuya (nếu không phải là giờ thiết quân luật) thì tiếng động cũng vượt quá năm mươi *décibels*. Đó là không kể những ồn ào bất thường trong thời chiến : tiếng quân xa di chuyển từng đoàn, tiếng phi cơ phản lực đi đi về về...

Thần kinh Đỗ chịu đựng kém. Từ hồi về sống ở đô thị chàng đâm ra đố kỵ âm thanh. Tiếng nhạc cũng ít khi dám nghe. Bối âm thường xuyên đã ầm ĩ quá rồi, tăng thêm một tiếng động, tinh thần thêm bị kích thích, bực bội.

Vậy mà rồi một hôm Đỗ tự bắt gặp mình chờ đợi một tiếng kêu lớn. Chờ đợi mơ hồ, nếu không tỉnh cờ để ý có lẽ không biết đến.

Số là đối với mỗi người trong ngày chỉ có một giờ nào đó coi là thích nhất. Các cụ trước kia chọn cái lúc tờ mờ, đêm vừa tàn ngày vừa rụt rè hiện đến ; trong cô tịch, các cụ ngồi nhấp trà suy nghĩ.

Đỗ không lấy trầm tư làm thú. Chàng thích cái khoảng thời gian trơ trẽn từ chín rưỡi tới mười giờ. Lúc đó, điểm tâm xong, tách cà-phê nóng đã làm cho người tỉnh táo, những công việc khẩn cấp nhất trong ngày đã tạm giải quyết xong, tâm trí nhẹ nhàng, thảnh thơi. Ngoài trời nắng vừa đủ ấm, sương vừa đủ ráo, ánh sáng tươi mà chưa gắt. Bấy giờ, chàng có thể khoanh tay ngồi trước bàn, ngừng công việc, nghếch mặt nhìn trời xanh ngoài cửa sổ, đầu óc rỗng tuếch mà vẫn ngẩm ngầm hân hoan, không có một dự định gì mà vẫn tràn trề hy vọng. Chừng mười thước tây dưới tầng lầu của chàng xe cộ tiếp tục ồn ào ; nhưng chàng tha thứ. Ở sân thượng một tòa nhà nào đó, cùng trong khu phố, có người (chắc chắn là lao công một sở công hay tư) có thói quen xấu là đốt giấy lộn vào buổi sáng, khiến tro tàn tản mác theo gió, lặng lẽ đậu lên mặt bàn, lên mái tóc chàng. Nhưng Đỗ tha thứ.

Bởi vì lúc bấy giờ — chính vào lúc bấy giờ — một tiếng rao cất lên. *Hớ hơ ịịị* (hay *Hế ê ịịị* ?... Chàng cố lắng tai nhưng không thể phân biệt). Chỉ có tiếng « ị » sau cùng là rõ ràng. Rõ ràng và kéo dài vô cùng vô tận. *Hế* vang lên, rồi tiếng *ị* cứ ngun ngút, nhỏ dần

nhỏ dần, như tơ như tóc, không biết lúc nào nó còn đó, lờ mờ, và lúc nào nó đã tan biến vào không gian ngọt lịm. Chỉ chắc chắn cái lúc tiếng rao cất lên, không thề quả quyết khi nó chấm dứt.

Đó là một âm thanh khác thường. Chàng có cảm tưởng nó lạc lõng giữa khung cảnh đô thị. Nó lại cũng không phải của thế kỷ này. Rao thứ gì, chàng không biết. Giọng là giọng một người xầm, trong trẻo. Nhưng người này bán một món đồ ăn chăng? coi bói chăng? bán chổi lông gà? bàn chải giặt đồ chăng? Đôi ba lần, chàng thử tìm hiểu, nhưng chàng vừa xuống lầu, chạy ra đến ngoài đường, thì người bán hàng đã rẽ mất vào một ngõ hẻm nào trong xóm. Vả lại chuyện đó không ích gì, món hàng không quan hệ, cốt yếu là tiếng rao. Nó cất lên giữa khu phố như tiếng con chiền chiện ngoài đồng nội. Cả hai đều làm cho trời thêm xanh, nắng thêm sáng, mây bạc phiêu phiêu thêm cao.

CHÀNG VỪA LIÊN HỆ TIẾNG RAO NỌ VỚI đồng nội. Quả có mối liên hệ ấy. *Hẽ...ẽ...*, vâng, ở đâu cũng *hẽ* được. Nhưng còn *ị ị ị...*, cái đuôi thanh âm hun hút ấy không phải của đô thị. Ở đây, một

tiếng rao không thể ngân dài, thong thả, bình thản, vừa tiếp diễn vừa tự thưởng thức cho đến cái ngân nga nhỏ nhất của mình như thế. Đây là một tiếng rao đầy tự tin, nó đĩnh đạc, cho rằng khắp thôn ấp, sau những bờ rào, lũy tre yên lành, trong những khu vườn tĩnh mịch, bao giờ cũng có sẵn những lỗ tai theo dõi cái ngân nga dài dòng của nó, rằng nó không tan biến vô ích trong sự ồn ào nóng nảy vô tình. Âm thanh ấy mang nơi mình tất cả cái không khí trung cổ. Giữa nó với khung cảnh thôn xóm làng mạc có một tương quan xương thịt. Nó là một di tích, một cổ tích tồn tại giữa thời đại này trước sự thờ ơ tội lỗi của các nhà khảo cứu. Nó là thứ cổ tích quí báu hơn mọi thứ cổ tích, vì nó không sót lại như một thanh gươm sét đi đào được từ dưới đất, như chiếc áo cũ của một nàng công chúa bày trong viện bảo tàng, như một vật chất hết công dụng, mà nó tồn tại sống động, mặc dù lỗi thời. Nói cho đúng, đây thực ra không phải chỉ là một chứng tích của cuộc sinh hoạt quá khứ; đây chính là một yếu tố nguyên vẹn của sinh hoạt ấy đang tiếp tục sống trong lòng hiện tại.

Tiếng rao hàng ngày nay tranh nhau phát lên thật lớn nhưng không hề kéo dài. Nhất là kéo dài để rồi nhỏ dần, yếu dần. No kéo dài làm gì nhỉ? Chỉ cần thét lên thật lớn, thật đột ngọt, thế thôi. Người rao hàng điên cuồng nào ngày nay mà lại đem năng lực phát âm của mình phung phí trong những ngân nga vô bổ, bị xóa lấp dễ dàng giữa các tiếng động xô bồ thường xuyên của đô thị? Chỉ có *Ê ị ị...* là bất chấp mọi đổi thay của hoàn cảnh.

Hế. ị ị... cất lên, một hơi gió mát mênh mông thoảng qua bầu trời. Chàng nghe tâm hồn phơi phới nhẹ nhõm. Tưởng tượng đâu đó một người đàn bà Tàu, mặc *thoòng choóng* đen, đầu đội chiếc *xầu mầu* to tướng, hay chiếc *thông củ mầu* mang từ xứ sở quê hương sang đã mấy mươi năm rồi, gánh hàng bằng cây đòn gánh gỗ đen bóng vì mồ hôi của bao nhiêu thế hệ lao động, một người đàn bà của nước Tàu ba bốn nghìn năm lịch sử chùng chình mãi ở thời kỳ kinh tế nông nghiệp, lưu luyến mãi với ruộng vườn thôn ấp, một người đàn bà như thế lững đững ở một góc phố gần đây... Một người Tàu như thế là cả nếp sống yên lành, nhân hậu.

Ế ị giữa buổi mai, và tiếng hò ơ trên sông, tiếng hát ru em kéo dài bất tận trong đêm khuya của người đàn bà Huế, ôi những đeo đẳng tâm tình của thời Nghiêu Thuấn xa xưa. Một bên là những thầm thì tỉ tê trong cô tịch của đêm trường, là những nỉ non tình cảm len lỏi canh khuya, thấm sâu vào lòng người. Một bên là niềm vui an lành vút lên cao thẳm giữa nắng sớm tưng bừng.

Từ lâu rồi, ở đô thị, Đỗ quen với những âm thanh có công dụng rõ rệt, thiết thực. Tiếng huýt còi của cảnh sát công lộ, tiếng rao báo, rao phở, tiếng gọi xe v.v... mỗi mỗi đều vắn tắt. Những trao đổi vắn tắt trong phạm vi những điều thiết dụng ấy làm cho mối tương giao ở đô thị hóa nghèo nàn, lạt lẽo. Chỉ có người đàn bà Tàu nọ là vẫn một niềm tin cẩn ở xung quanh. *Ế ị ị ị* có kéo dài lạc lõng bơ vơ trong lạnh

lùng, thờ ơ của phố phường, có mất đi vô ích vô duyên chăng; nó càng làm cho chàng nao nao tiếc mối giao tình đậm đà đã mất giữa người trong tập thể.

Đó vậy mà một độ *Ế ị* bỗng im mất. Một hôm chàng bắt gặp sự chờ đợi của mình.

NÓ MẤT TỪ NGÀY NÀO, KHÔNG BIẾT ĐƯỢC đích xác. Thiếu một tiếng rao trong khu phố, không phải như thiếu mất bữa ăn sáng.

Chỉ nhớ mùa mưa, có độ suốt tuần lễ trời cứ xấu hoài, sáng nào cũng có nhiều cơn mưa. Thế rồi một sáng thứ hai trời sáng lên, rực rỡ, chàng sực nghĩ đến *Hế ị* thì không nghe thấy nữa.

Rồi thì công kia việc nọ ngổn ngang làm chàng quên nó gần như hoàn toàn.

CHO ĐẾN MỘT HÔM KHÁC, Ở MỘT NGÃ BA đường, chàng trông thấy một chiếc xe GMC vướng đổ một gánh hàng rong, độ ba bốn cái bát bị bể nát và nhiều gia vị mắm muối tung tóe bên đường. Anh tài xế xuống xe, đỡ gánh hàng lên, xếp lại các món còn lành lặn. Trong lúc ấy xe cộ bị chận lại bắt đầu dồn ứ, làm nghẹt đường, động cơ nổ, khói tỏa mù. Chủ

gánh hàng là một bà già Tàu, nét mặt không chút giận dữ, mắt trông xuống đất, nói từng tràng dài, nói đều đều, vẻ điềm nhiên nghiêm chỉnh, chắc chắn là nói để phân phải trái. Người tài xế xếp dọn vội vã, rồi trèo lên xe, rồ máy đi tuốt. Lúc bấy giờ bà già mới ngừng nói và mới kịp ngạc nhiên.

Anh tài xế không chắc là người xấu, nhưng công việc cấp bách, xe cộ nghẹt đường thúc dục anh, sự thiệt hại của người đàn bà không đáng là bao mà anh ta lại không sẵn tiền trong túi. Đại khái có những lý do như vậy. Nhưng bà già Tàu nọ không chờ đợi sự việc kết thúc kiểu ấy. Trong cách phản ứng nghiêm chỉnh và thong thả của bà ta có sự chậm trễ ít ra một vài thế kỷ.

Có phải *Ế ị* là món hàng vừa bị đổ đó chăng ?

THỈNH THOẢNG, TRỜI SÀI GÒN GẶP MỘT buổi mai thật ngon lành, nắng reo vui trên tường vôi, trên mái ngói ; điểm tâm xong, Đỗ ngồi khoanh tay trước bàn tìm một cái cớ cho mối hân hoan hi vọng nơi mình, chàng chợt bắt gặp sự chờ đợi của mình : chàng chờ đợi tiếng rao ngân nga nọ, như là đang vuốt ve một ảo tưởng thanh bình.

12-1966

BÀI HÀNH PHƯƠNG NAM

Lúc này, trong hoàn cảnh này, đọc lại bài hành *lạ lùng của Nguyễn Bính, quả không gì thích hợp bằng.*

Hai ta lưu lạc phương Nam này
là cảnh ngộ của Nguyễn Bính hồi ấy. Còn bây giờ chúng ta lưu lạc phương Tây này *đến trên hai chục vạn kẻ, lẽ ra phải có bài* Hành phương Tây. *Chưa có, ấy là lỗi của chúng ta. May mà trong kho tàng văn học còn có cái tâm sự của một tri kỷ : Nguyễn Bính.*

V. H. N. T.

Gửi T.Kh.

Hai ta lưu lạc phương Nam này,
Trải mấy mùa qua én nhạn bay.
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở,
Riêng ta với người buồn vậy thay !
Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu,
Mà không uống cạn mà không say.
Lời thề buổi ấy câu Tư Mã,
Mà áo khinh cừu chưa ai may,
Người giam chi lớn vòng cơm áo,
Ta trói thân vào lụy nước mây.
Ai biết thương nhau từ thuở trước,
Bây giờ gặp nhau trong phút giây.
Nợ thề chưa trả tròn một món,
Sông đời thua đến trắng hai tay :
Quê nhà xa lắc xa lơ đó,
Trông lại tha hồ mây trắng bay.

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc,
Ly tán vì cơn gió bụi này.
Người ơi ! Buồn lắm mà không khóc,
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy.
Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết,
Ngày mai ra sao rồi hãy hay.
Ngày mai sáng lạn vì non nước,
Cốt nhất làm sao tự buổi nay.
Rẫy ruồng châu ngọc thù son phấn,
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay.
Hỡi ôi ! Nhiếp Chính mà băm mặt,
Giữa chợ ai người khóc nhận thấy.
Kinh Kha quán lạnh sầu nghiêng chén,
Ai kẻ dâng vàng, kẻ biếu tay ?
Mơ gì ấp Tiết thiếu văn tự,
Giày cỏ gươm cùn ta đi đây.
Ta đi ? Nhưng biết về đâu chứ ?
Đã dấy phong yên khắp bốn trời.
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ôi !
Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ,
Ta với nhân gian cả tiếng cười,
Người ơi ! Hề ! Người ơi !
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi !

NGUYỄN BÍNH

E I

Many of us, readers of Vietnamese, have long been familier with Vo Phien's peculiar and seductive style of writing: a simplicity, even homeliness, that is poignant in its emotional thrust and enduring in its spiritual undertones. But, as far as we can ascertain, this is the first time that a 'story' by him has appeared in print in English (except for an excerpt from the novel Nguyên Vẹn, VHNT No.3, *June 1978).* E I *is a* đoản văn *which literally means 'short pieces'. It is neither a 'short story',nor an 'essay' in the Western sense. 'Reflection', perhaps, would be an appropriate term in this case.*

E I *(pronounced Eh eee) was written in 1966, just at the time the Vietnam war came into most devastating phase. Yet, amidst the dislocations of the time, Vo Phien has managed to catch and preserve for us what was no less fleeting than a strand of smoke in the air . Now, in America, in Europe, around the world, Vietnamese have been scattered. In New York and Los Angeles, in Paris and London, Sydney and Tel Aviv, we are learning to deal with a new world. And despite everything, Saigon, Nha trang, or Hue, in the recesses of our souls, have become like green oases, mirages ; reality is, of course, multilayered. Deep down, what* E I *tells us, especially now, is that no matter where we are, we always can, we must, 'wait for that cry, as if wanting, caressing, reaching out to a peaceful illusion'...*

The Translator.

The experts all agree that back in rural areas the noise level is only about thirty decibels during daytime and way under twenty at night. They assure us, though, that we can live with more noise than this provided the

decibel level gets no higher than thirty-five during the day and thirty at night. Yet, in today's Saigon, in the quietest neighborhoods even at night before curfew hours, the noise measurement reads fifty decibels or more. And this doesn't take into account the inevitable clangs and bangs of wartime: the convoys of military trucks rolling through, jets passing overhead ...

It seemed to Đỗ his nervous system had become less sturdy than before. Now that he lived in the city, he hated noise. Even music — he hardly listened to it anymore. There was no point in further stimulating, even exacerbating, one's mental sensibility, for the continual fracas that formed the background noise of the city was deafening enough.

And, yet, it happened that one day Đỗ caught himself expecting to hear a cry. Actually, the expectation was so fleeting Đỗ would not have realized about it had he not, by sheer chance, stumbled upon it.

Everyone has a favorite time of day. Our fathers chose that period when night has almost ended and day has not yet arrived; in semi-darkness and in complete solitude, they would sit, sipping tea and pondering about life.

But Đỗ was not one who delighted in such thoughtful pursuits. He loved, instead, that brash and shameless period between nine-thirty and ten in the morning. Then, breakfast was over, his body had been wakened by a hot cup of coffee, the most pressing matters of the day had seemingly been dispatched, there would be a lightness, an insouciance in his mind. Outside, it would be just warm enough, the damp morning dew would have evaporated, and the sunlight would be simply fresh and brilliant, no glare, no harshness. Then, he would stop his work for a moment, would cross his arms, and with-

out moving from his desk, raise his head to look at the azure sky outside his window, fully aware that his mind was a blank, yet somewhere in its corners there would be a hidden delight, a nameless joy, there would be no wanting, no desiring, no planning for anything, and yet he would be filled with pleasure, with hope. No more than ten meters below him, traffic was already busy and noisy; but he would overlook that. From the upper roof from some nearby building, someone (probably the maintenance man) would as usual be burning the morning's trash collection and the ashes would rise up in the air carried by a breeze. Some of them would end up on his desk, on his hair. But Đỗ would overlook that, too .

And he had all this tolerance because at that moment – precisely at that moment – the cry from some preambulating seller of something would arise. Hở hở ị ị ị (or rather Hể ể ị ị ị ... ? He had listened carefully but never could be sure which). Only the 'ị s' at the end were unmistakable. The Ể would rise up, than the ị would lengthen out, longer, longer and smaller and smaller like a threat, a hair, and Đỗ would not be able to tell whether it was still there or it had blended forever into the air. He was only certain when it came, never when it went away.

It was an unusual sound alright: a sound that seemed lost, alone in the city. More than that it did not even belong to Đỗ's time . He wondered that the seller was trying to sell ? The voice could belong to a Chinese woman, a clear, good voice. What was she selling ? Food ? Fortune selling ? Chicken-tail brooms ? Laundry brushes ? A couple of times, wanting to find out, he had run down to the sidewalk, but the vendor had disappeared into one of the maze-like sidealleys. After all, what would be the use of knowing what she was selling? It was of no interest to him. It was her cry, a cry that would rise up in a city neighborhood like the cry of a skylark in the open fields. Both were there to make the blue sky bluer, the sunlight brighter, and the white clouds

higher and higher.

Do could make the connection between a street vendor's cry and the open fields. There was, truly, such a connection : É...É...,yes, that could be a street vendor's cry anywhere. But what about ...., the tail end of that cry that apparently had a beginning but no termination ? That tail end didn't belong to the city. In the city, the cry of a street-vendor simply could not lengthen that way, leisurely, calmly, going on and on as if in admiration of itself, until the minutest vibrato was no longer audible. This was a cry that was full of self-assurance and seriousness, confident that everywhere in the hamlets, behind the peaceful bamboo groves and garden hedges, in the quiet gardens and plots , there were always ears which were willing and ready to follow and appreciate its delicate, endless variations, and that it was not going to die and go away in utter uselessness amidst noise and impatience and coldness. This was a cry that carried within itself the whole ambiance of long lost eras. Between it and the world of small villages and hamlets, there was an intimate, flesh and blood relationship. It was a vestige that remained in the present time , oblivious to the indifference on the part of students of the past. In fact, it was a relic that was more precious than any relics for it had not been salvaged the way an ancient, rusty sword was unearthed from some legendary battlefield and allowed to go on display in museum cases along some old court robes that had belonged to some princess. It was not some thing, some object that no longer had any use: it continued to exist, to live on, in vigor, though against its time. In fact, this was not a relic of some life style from the past; this was an element from the past itself which had remained intact and which had come to live within the heart of the present.

Today, though cries from street vendors competing against each other, have become louder and louder, they are no longer blessed with the old style, they no longer continue on and on, finally dying away gracefully and delicately. For, after reflection, what would be the point ? All they need to attract attention is to burst out and rise up as loudly, and unexpectedly, as possible. That's all. What street vendor today would be crazy enough to squander her vocal energy manipulating useless vibrations and inflections that would be doomed to oblivion by the regular fracas of the city ? Only Ế Ị ... seemed to pay no heed to change.

Ế...ị... rose up, and it was like a cool breeze blowing gently across the sky. And Đỗ felt the breeze pass through him, making his very soul lighter, freer. He imagined, somewhere down there, a Chinese woman, dressed in a black *thoòng choáng*, her head half hidden in an enormous *xẩu mẩu* or a *thòng củ mẩu* brought decades earlier from her native land. Shouldering her merchandise with a black and shiny wooden carrying pole bathed in the sweat of hard working generations, she was a woman from a country with thousands of years of history which had arrived in the twentieth century still an agricultural nation, its people still deeply attached to their villages, and fields and gardens; he imagined that woman shuffling in small steps along the nearby alley ...

Đỗ listened to the cry of Ế Ị in the morning, yet he recalled the boatwoman's song on the river, and the melancholy voice of some young mother from Hue rocking her baby to sleep late at night. And he thought that the songs and lullabies were like whispers that shared and confided in the quiet and solitude of night while Ế Ị , the street vendor's cry, was more of a joy that rose high and free in the glorious sunshine.

For quite a long time now, in the city, Đỗ had become used to noises that had a definite, practical purpose. The traffic cop's whistle, the newsboys' hawking, the noodle soup seller's shouts, each was curt and to the point. Đỗ thought that those short, precise sounds, within the realm of need and urgency, expressed the poverty, and aloofness, of the dealings of city people with one another. Only that Chinese woman had remained faithful in the surroundings. Was Ế I going to live on, lost and lonely in the indifference and coldness of the city streets, or was it going to die away in utter disgrace and useless ness ? Ế I only sharpened his unease and deepened his yearning for that warmth and simplicity that had disappeared from the crowds.

Then, for a while, he no longer heard it. And one day, he caught himself waiting. wanting to hear it again.

It had simply disappeared, but when ? He could not know for sure. For to miss a street vendor's cry in the neighborhood was not the same thing as to miss a meal.

He only recalled that it must have been during the rainy season when the weather was execrable for an entire week at a time, with wet, drizzly mornings. Then one Monday, when the sky cleared up, and the light become brilliant, he suddenly thought of Ế I, and realized that for a long time he had not heard it.

Then, overtaken by day-to-day things, he forget it completely.

Until one day, at a street corner, he came upon the scene of a minor accident. A truck had brushed against the baskets carried by a street vendor : a few bowls were broken and food and spices were scattered all over

the curbside. Đỗ watched as the driver got out of his cab, helped pick up the baskets and rearranged whatever was left of the merch andise. Meanwhile, other vehicles had stopped; traffic piled up; everything was at a standstill with engines popping away and exhaust fumes pouring out into the air. The vendor, Đỗ saw at last, was an old Chinese woman. She looked down at her ruined things and spoke long sentences which Đỗ did not understand; she spoke calmly and firmly while her expression showed neither anger nor fear. He thought she probably was trying to explain and to defend her rights. The truck driver, however, went on hurriedly picking up her scattered bowls and pieces of food; then he jumped into his cab, started the engine and roared off. Only then, did the old Chinese lady realize what had happened ; she stopped speaking, taken aback, surprised.

The truck driver probably wasn't a mean man, Đỗ thought. It could be simply that there had been urgent matters he had to attend to; also he simply couldn't very well let his truck block the rushing traffic; after all whatever damage had been done was minimal. Perhaps , he had no ready cash to offer her either. On the whole there were plenty of reasons, decent, honest reasons why the truck driver had rushed off. But the old Chinese woman, it was obvious, had not expected that things would be settled that way either. The way she had reacted to the whole event, leisurely, and grave, was, Đỗ felt, several centuries behind their time.

And Ế ! ? Was it the food she was selling which had been spilled onto the curbside ?

Once in a while, Saigon is blessed with one of those delicious mornings; the sunshine glows and dances on stuccoed walls and tiled roofs. After breakfast, as Đỗ

sat with crossed arms at his desk, trying to see what it was that made him so full of hope, of delight, he suddenly caught himself in a state of expectation, of waiting: he was waiting for that street vendor's cry, the cry that came so suddenly only to dissipate like smoke into space; he was waiting for that cry as if wanting, caressing, reaching out to a peaceful illusion.

VÕ PHIẾN

(Translation from the Vietnamese by VÕ ĐÌNH. Copyrighted by Võ Đình, 1979. All rights reserved.)

****

NHẮN TIN

Vừa chuồn đến Mỹ, tìm các bạn:
—Trung tá Nguyễn đình Lận, PPTT cũ.
—Trung tá Nguyễn duy Củ, GSV cũ.
—Trần văn Dũng, sở Thuế Gia định.
—Ngô ngọc Hiệp và Thái hoàng Nhựt, bộ GD cũ.
Thư về: Nguyễn thái Long, 9127 Linda Rio, Sacramento CA 95826.

Tuổi thơ u ẩn

Người mẹ hớt hải vào phòng cấp cứu. Trong phòng trống trơn: một cụ già đang ngồi ho rũ ở góc phòng, còn các giường khác chỉ có những tấm nệm cũ dính máu. Cô y tá, bận xếp dọn gì đó phía sau cái bàn sắt, không muốn ngửng lên khi có tiếng chân lạ. Mẹ đứng tần ngần, rụt rè một lúc, rồi đánh bạo hỏi:

-- Thưa cô...

Vẫn tiếp tục công việc, người nữ y tá hỏi :

-- Cái gì ?

-- Người ta có chở con tôi lên đây không ?

-- Con bà là ai ?

-- Dạ con tôi nó bị xe tông.

Người y tá bực mình, bỏ mớ giấy tờ đang xếp soạn, đứng thẳng lưng nói xẳng:

-- Biết con bà rồi, nhưng trai hay gái, bao nhiêu tuổi, tôi mới trả lời được.

Mẹ thấy mình mất bình tĩnh và đã làm phiền người ta quá nhiều. Mẹ đến đứng sát vào cạnh bàn gắng bình tĩnh một lúc mới kể lể:

-- Dạ hai cha con đèo nhau lên dốc. Cha nó, cha nó... tức là ông chồng của tôi đó, ổng lấy xe đạp chở thằng nhỏ đi học. Tôi đã sợ, dặn phải cẩn thận xe cộ. Đoạn đường lại dốc ngược, đi bộ còn muốn đứt hơi huống chi là đạp cái xe cũ, phía sau đèo thêm thằng nhỏ. Căn dặn hai ba lần, ổng gật gà gật gù cho qua vậy chứ có chịu nghe tôi nói đâu. Tôi nói thằng Liên nó lớn rồi, đủ sức một mình tới trường...

Cô y tá không thể kiên nhẫn thêm, cắt ngang:

-- Liên hả ? Lê văn Liên, 8 tuổi. Con bà có vào đây. May là nó nhẹ nhất. Chỉ bị xây xát chân tay và bị một vết ở đầu, phía trên tai trái. Bác sĩ sợ có thể xương sọ bị nứt, đã cho đi chụp hình.

-- Con tôi bị ngã nứt sọ rồi sao cô ? Làm sao đây !

Thấy vẻ thảng thốt của mẹ, lòng cô y tá chùng lại. Cô an ủi:

-- Bác sĩ chỉ ngờ như vậy, chứ không sao đâu. Dằng nào cũng phải khám kỹ mới chữa được.

-- Nhưng họ đã chụp hình xong chưa cô ?

Người y tá xem đồng hồ, ngần ngừ một lúc rồi đáp lơ lửng:

-- Có lẽ rồi. Bác lên trại 7 thử xem.

Cô còn chỉ dẫn đường lối cẩn thận trước khi đem ống thuốc và xê-ranh lại phía ông lão đang ho rũ rượi.

Mẹ bước ra khỏi phòng, hỏi thăm thêm bốn người nữa vừa y công vừa bệnh nhân mới tìm được trại 7. Mẹ đến phía cửa lớn định đẩy nhẹ vào, nhưng thấy người ta đã khóa cửa bằng một sợi xích lớn nên lại thôi. Mẹ tiến đến một cái cửa khác. Cửa mở. Người y tá, ở đây là một thanh niên trạc 30 tuổi đeo kính, ngửng lên hỏi.

-- Bác muốn thăm ai ?

Nghe trong giọng của anh y tá nhiều vẻ ân cần hòa nhã, mẹ vui mừng hỏi liên tiếp:

-- Có thằng nhỏ con tôi nằm ở đây không thầy. Nó bị xe tông ở trên dốc Duối đó, thầy. Dưới kia cô áo trắng nói nó bị nứt sọ. Có thật không thầy ?

Anh y tá đưa tay lên ngăn bà cụ lại, nhắc nhở:

-- Bác nói chậm chậm cháu mới nghe lọt hết. Con bác tên gì, bị thương lúc nào ?

-- Nó tên thằng Liên. Mới bị thương hồi sáng. Xe nhà binh chở giùm nó lên đây mà.

Anh y tá đoán được bệnh nhân, reo lên:

-- Phải rồi. Có đúng em Lê văn Liên không bác ? Nằm phía kia, chỗ gần cái cửa sổ mở đó.

Mẹ nhìn theo hướng anh y tá chỉ. Vừa lúc ấy mẹ cũng nghe thấy Liên reo lên mừng:

-- Mẹ, con đây mẹ.

Hai mẹ con ôm châm lấy nhau. Mẹ mừng quá, úp mặt vào mái tóc khét nắng của con khóc tấm tức. Mãi một lúc sau, mẹ mới chú ý đến lớp băng quấn quanh đầu bé Liên. Nước mắt vẫn còn ướt đẫm hai gò má xương xẩu, mẹ hỏi:

-- Con có đau lắm không ? Chụp hình chưa ?

-- Chụp xong rồi mẹ. Con tưởng lâu lắm, phải sửa đi sửa lại như lúc chụp hình dán thẻ học sinh. Nhưng con mới nằm xuống, cắt một cái, xong liền...

Mẹ không để cho con nói hết, nhắc lại điều cần thiết:

-- Nhưng con thấy có đau không ?

-- Không sao đâu mẹ. Con chỉ bị va đầu vào một viên đá chỗ dốc mà thôi.

Con biết gì. Cả một chiếc xe hàng lớn tông vào cái xe đạp. Không tan xương nát thịt là may. Con chưa thấy chiếc xe đò ! Cái niền sau cong như bánh tráng nướng. Cái ghi-đông bị gãy. Cha mấy ổng buồn thở ra thở vô, sợ không lấy gì chạy đi bỏ báo tháng. Mẹ nói còn người thì còn của, cha con vô sự là may lắm rồi. À, mấy người trên xe hàng lúc đâm xuống hố bị thương ra sao ? Chở vào đây một lượt với con mà? Có ai chết không ?

Bé Liên được dịp chứng tỏ sự quan trọng của mình, ngồi xích ra xa mẹ:

-- Ghê lắm nghe mẹ. Hồi đem lên xe ông tài xế đã hết cựa quậy rồi. Còn người đàn ông bị cánh cửa xe dằng gãy sườn thì oằn mình dãy dụa, la hét liên miên. Chạy tới nửa đường thì ông ta chết. Chỉ còn trên xe có con với hai người nữa. Thấy xe lắc, đưa xác ông tài xế xích dần lại chỗ con, con sợ quá.

-- Ông tài xế chết rồi à ? Ai bảo lái xe bất cẩn. Nhưng thôi, người ta chết rồi, cũng tội nghiệp. Sao người ta nói ổng lách được ra khỏi xe, đi lại được ?

-- Dạ đâu có, mẹ. Ổng bị dập ngực. Cái vòng tay lái đập thẳng vào ngực, chịu sao nổi. Như vậy là có tất cả hai người chết, hai người bị thương. À, kể cả con nữa là ba.

-- Cầu trời cho con không việc gì, sọ không bị nứt, để mau mau về nhà.

Rồi giọng mẹ trầm xuống, đầy vẻ sợ hãi, lo lắng:

-- Mình phải trả một ngày bao nhiêu, con ? Họ có nói với con chưa ? Nằm lâu quá sợ mẹ không có tiền. Chỉ tại cái lão tài xế lái xe cẩu thả. Người ta đi xe đạp ở lề đường, mắc gì đâm vào người ta rồi lắc tay lái đưa cả cái xe lộn xuống hố...

Mẹ con định nói nữa, đổ cả giận dữ lên đầu người tài xế xấu số bất cẩn. Nhưng đứa con cưng, trước mặt mẹ buồn rầu, kêu khẽ:

-- Mẹ... mẹ...

-- Cái gì con ?

-- Đừng oán ông tài xế, tội nghiệp.

Mẹ nhớ đến cái chết, nhớ đến lòng khoan dung phải có của kẻ ở lại đối với kẻ ra đi, đành ngậm ngùi:

-- Ờ, đằng nào ông ta cũng chết rồi...

-- Nhưng không phải lỗi ông tài xế đâu mẹ.

Chút tình thương gắng gượng cho vui lòng con không ngăn được mẹ phản đối.

-- Đưa cả chiếc xe đầy hành khách chúi xuống hố mà không có lỗi !

-- Tại ổng cố tránh cho khỏi tông vào chiếc xe đạp của cha đó!

-- Cố cố cái gì ! Tránh cho khỏi tông mà cái niền xe cong vòng ? Cha mầy không rán đạp nhanh thì hai cha con đã nằm chết gọn dưới dưới lườn xe rồi. Chắc ông bà cũng phù hộ...

Người y tá đến nhắc mẹ giờ thăm bệnh đã hết. Bác sĩ sắp đi qua, nên không ai được ở lại trừ các bệnh nhân. Mẹ không biết làm gì khác hơn là phải về. Thấy đôi mắt bé Liên cầu khẩn, mẹ an ủi:

-- Chiều mẹ sẽ trở lại. Con muốn ăn gì mẹ mua cho.

-- Mẹ đem cháo cho con cũng được !

***
**

Mẹ giữ đúng lời hứa với Liên. Mẹ đã trở lại, ngay khi thân nhân người bệnh được phép vào phòng. Mẹ con lâm quá cả lời hứa nữa. Vì ngoài mẹ, còn có cha và chú Năm. Cha ấn nhẹ lên lớp băng phía trên tai trái hỏi bé:

-- Con có đau không ?

Liên thành thực lắc đầu:

-- Thưa cha không.

Chú Năm hỏi:

-- Con có thấy choáng váng hay nhức đầu không ?

-- Dạ không.

Chú Năm nói với cha:

-- Chắc cháu không việc gì đâu anh. Tôi có hỏi dưới y tá, anh ta nói phim không có gì đáng ngại. Nghe thiên hạ đồn đại thêm mắm thêm muối vào, tôi tưởng anh với cháu không thể thoát nạn được. Họ bảo chiếc xe hàng đạp nhầu lên cả hai cha con rồi mới đâm xuống hố.

Cha nói:

-- Không hiểu ông bà phò hộ hay sao mà tôi cố ra sức đạp thật lẹ. Nghe tiếng còi, tôi nép sát lề đường liền. Vậy mà cũng không tránh kịp. Đang đạp, tự nhiên cái xe lắc, mất hết thăng bằng. Bánh trước như muốn hồng đất. Có bao nhiêu cũng không giượng được, nên chiếc xe đạp ngã lăn trên mặt lộ. Về sau thấy có dấu vết trên cái chắn bùn, tôi mới biết là bị cái "pare-choc" xe hơi đẩy phải.

Chú Năm tiếp lời:

-- Vậy là có hai cái may: thứ nhất là cái xe hàng đang leo dốc, không chạy nhanh được, nên chỉ vẹt nhẹ vào bánh sau cho anh và cháu ngã xuống. Thứ hai là nhờ anh đạp nhanh có trớn, nên khi ngã, anh và cháu được kéo ra trước, tránh khỏi đầu xe hàng. Còn lão tài xế thì mất bình tĩnh đưa luôn xe xuống hố...

Cha và chú Năm hăng say tranh luận với nhau, ôn lại từng phút diễn tiến của tai nạn chết người, rành rẽ hợp lý chẳng khác nào lời tường thuật của những người tận mắt chứng kiến. Anh y tá thấy câu chuyện hấp dẫn, đến mời cha và chú Năm hai điếu thuốc Bastos, rồi ba người tiếp tục bàn tán. Sợ làm phiền bệnh nhân, họ

kéo lại phía cái giường trống gần đó cho tiện tranh luận. Mẹ là người thấy rõ hơn ai hết điều cần phải làm, mở dây cột trên mép giỏ lấy ra hai ngăn gà-men. Liên hỏi:

-- Mẹ đem cháo cho, hả ?

Mẹ âu yếm đáp:

-- Con đau mẹ không cho ăn cháo được. Phải ăn thứ gì cho đủ sức bình phục.

Bé Liên thắc mắc:

-- Đau phải ăn cháo cho dễ tiêu chứ mẹ.

Mẹ không đáp, cẩn thận gỡ miếng giấy bìa đậy hai ngăn gà-men. Một ngăn đựng cơm trắng. Ngăn nữa đựng thịt kho với đậu chiên. Dù cố giấu cố dằn, Liên vẫn không thể che được vẻ hí hửng thèm thuồng. Lúc mẹ lục trong giỏ đem ra cái chén và chiếc muỗng, Liên thấy phải nói điều gì:

-- Nhà mình ăn cháo mấy tháng nay rồi mẹ. Nấu cơm làm gì !... Mẹ không nói, cẩn thận cho cơm khỏi đổ ra nệm, chan nước thịt trộn đều rồi hỏi:

-- Con rán ăn cho nhiều. Mất máu nhiều lắm, nhớ không.

Lúc ấy có người gọi anh y tá trở ra bàn giấy nhận thuốc. Cha và chú Năm hơi thất vọng vì mất đi một thính giả lý tưởng, đành phải lũng thũng lại chỗ giường bé. Cha không chịu bỏ ý tưởng dở dang:

-- ... Dĩ nhiên vụ này phải ra tòa. Ông tài xế chết, như vậy là tội nhân đã tự xử. Nhưng hành khách, lớp chết lớp bị thương, còn thằng nhỏ nằm đây, còn cái xe đạp gãy của tôi. Phải có ai bồi thường thiệt hại chớ.

Liên lắng tai nghe, miệng há ra cho mẹ đút một muỗng cơm trắng. Đột nhiên nó thấy nghẹn, và cảm thấy lợm nơi cổ họng. Mẹ lo lắng hỏi:

-- Sao vậy con ? Nghẹn hả ? Ai bảo nuốt vội.

Liên lắc đầu, trong khi vẫn nhả miếng cơm trong miệng ra tay:

-- Dạ không. Con thấy ớn thịt quá. Mẹ cho con ăn đậu.

Người mẹ yên lòng, xúc cho con muỗng khác. Liên nhìn về phía cha và chú Năm, lúc ấy đã kéo đến bàn anh y tá để cương quyết tiếp nối cuộc bàn cãi. Liên hỏi:

-- Cha đòi kiện ông tài xế hả mẹ ?

-- Ổng chết rồi còn kiện gì nữa !

-- Vậy vợ con ông tài xế phải bồi thường không mẹ ?

-- Mẹ không biết. Ai làm thì chịu tội chứ. Nhưng ổng chết rồi.

Liên ngập ngừng một lúc, rồi hỏi:

-- Thầy tu chỉ ăn đậu khuôn với cơm thì không mang tội phải không mẹ.

Thấy con hỏi một chuyện đâu đâu, người mẹ gắt:

-- Ai nói với con vậy. Không có tội là tại họ tụng kinh giác ngộ, chớ đâu phải chỉ ăn đậu khuôn. Họ ăn chay để cứ sát sanh, vì giết súc vật, ăn thịt là tàn nhẫn, mang tội.

-- Làm chết người cũng mang tội phải không mẹ ?

-- Nhất định rồi. Như ông tài xế dù có chết, xuống âm phủ cũng sẽ bị hỏi tội như thường.

Bé Liên ngừng nhai cơm, cãi lại:

-- Ổng có tội gì đâu có, mẹ !

Người mẹ hết nhìn chén cơm lại nhìn con, không hiểu vì sao thằng bé cứ quanh quẩn mãi về người lái xe. Cuối cùng, mẹ tìm ra một câu trả lời dễ hiểu nhất.

-- Sao không ! Ổng cán gãy chiếc xe đạp của cha, từ đây làm sao cha đưa báo tháng ? Cha không bán báo được, lấy tiền đâu mua gạo cho nên cha con phải kiện, để người ta bồi thường cho chiếc xe đạp khác.

Liên nghe mẹ nói, nét mặt càng bần thần. Bé mất hồn đến độ mẹ đưa muỗng cơm đến mà bé không thấy há miệng ra nữa, mẹ ngạc nhiên hỏi:

-- Không lo ăn đi, nghĩ gì vậy ? Còn nhức đầu phải không ?

Bé không trả lời, ngồi im lặng một lúc rồi lấm lét nhìn mẹ, hỏi nhỏ:

-- Con kể chuyện này, mẹ đừng nói lại với cha, con mới dám nói.

Người mẹ kinh ngạc trố mắt nhìn con, muỗng cơm để lơ lửng giữa trời.

-- Sao, con nói cái gì ?

-- Không phải lỗi ông tài xế đâu mẹ !

-- Nữa ! Sao cứ nhắc lại hoài vậy. Ổng cán gãy cán dẹp cái xe đạp của mình, còn còn nói không có lỗi.

-- Tại con đó mẹ !

-- Sao ?

Bé phải lấy mọi can đảm nói cho hết một lần:

-- Không phải ông tài xế vào chiếc xe làm cho cha ngã đâu. Con ngồi sau, con biết. Lúc đó xe leo dốc. Con thấy cha cố gò lưng đạp chở con đến trường, cha thở hào hển, con thương cha quá. Con hối hận đã làm cha khổ. Nếu không có con ngồi phía sau, cha đâu có mệt nhọc thế này. Con vịn tay vào yên xe, dậm chân lên hai ốc sên, nhổm đít lên cho xe nhẹ bớt. Con vừa làm vậy thì xe đạp ngã nhào.

-- Chiếc xe hàng trờ tới tông vào xe đạp chứa ?

-- Dạ chưa. Con nằm sau chiếc xe đạp, nếu xe hàng cán chiếc xe của cha, con đã chết rồi.

Mẹ nghe Liên nói, ngồi chết lặng một lúc. Muỗng cơm bỏ dở, mẹ đem đổ lại ngăn thức ăn. Thấy mẹ giữ im lặng quá lâu, Liên phải hỏi trước để đỡ lo lắng.

-- Mẹ không mét cha chứ mẹ ?

Người mẹ giật mình, vội trấn tĩnh đứa bé:

-- Không. Không đâu. Cứ để cho cha kiện đòi bồi thường chiếc xe đạp khác.

Lại im lặng. Một lúc lâu nữa, giọng mẹ lạc đi:

-- Con quên là dù có nhổm đít lên, xe vẫn nặng như thường hay sao ? Không để gì nhấc mình khỏi mặt đất, cho nhẹ gánh lo của cha đâu con !

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Đêm 28-2-1974

THỜI SỰ
Văn hóa

HAI MẤT MÁT LỚN :

Nhà văn ĐỖ DỨC THU, tác giả "Đứa Con", cựu Chủ tịch Văn Bút Việt Nam, đã lặng lẽ ra đi viễn viễn tại Sài-gòn, trong sự hững hờ ém nhẹm của nhà cầm quyền mới.

Mặt khác, nhà văn NGUYỄN MẠNH CÔN bị đày đọa đã bỏ mình trong ngục thất cộng sản ngày 1 tháng 6 vừa qua. Gia đình ông NGUYỄN đã nhận được giấy báo tử chính thức.

MỘT NHÀ XUẤT BẢN VỪA THOÁT

Sau bốn năm loay hoay, vừa rồi ông Nguyễn Liên, giám đốc nhà xuất bản Trí Đăng, mới thoát khỏi Sài Gòn , hiện tạm trú tại Nam dương.

Từ tháng 4 – 1975 đến nay, nhà văn nhà báo Việt nam thoát đi khá nhiều, nhưng phần lớn các nhà xuất bản đều bị kẹt: các ông Khai Trí, Nam Cường, Lá Bối, An Tiêm, Lửa Thiêng, Sống Mới v.v... đều không ra đi được. Lắm người trong số ấy bị tù đầy khổ ải.

Giới Văn nghệ lưu vong vui mừng đón ông Trí Đăng như một đại diện hiếm hoi của ngành xuất bản, một ngành hoạt động mật thiết với kẻ cầm bút.

MỘT NGƯỜI MỸ MÊ VĂN VIỆT

James Banerian, dịch giả cuốn INK DROPS (Những Giọt Mực của Lê tất Điều) mà bản Anh vẫn sắp ra mắt độc giả, lại đang tiến hành một bản dịch tuyển tập truyện ngắn Việt nam.

Trong số các tác giả Việt nam được tuyển dịch có những nhà văn tiền bối như Nhất Linh, Khái Hưng v.v..., lớp nổi tiếng ở Việt nam Tự Do sau 1954 như Nhã Ca, Nhật Tiến, Võ

Phiến, Mai Thảo v.v..., cũng như lớp mới xuất hiện sau cuộc lưu vong 1975 như nữ sĩ Hoàng Dung.

Dịch phẩm công phu này đã bắt đầu từ khi ông James Banerian còn ở Illinois. Sau khi "di cư" về California, nghe đâu dịch giả đã tìm liên lạc ngay với Hoàng Dung để xin phép và chọn lựa tác phẩm sẽ được phiên dịch.

Phải thế chứ: Nền văn nghệ Việt nam Tự do được thành hình ở hải ngoại phải có chỗ đứng trong văn học Việt nam, như một tiếp tục chính thống của văn học dân tộc chứ.

MỘT CUỘC HỘI THẢO NHIỀU VĂN NGHỆ TÍNH

Ngày 11–8–1979, linh mục Nguyễn văn Tịnh, chủ nhiệm tạp chí Liên Lạc đã tổ chức tại San Jose một cuộc hội thảo về tương lai của người Việt tỵ nạn.

Phối trí viên cuộc hội thảo là nhà văn Lôi Tam. Và trong số các thuyết trình viên người ta nhận thấy ngoài thiếu tướng Nguyễn văn Chức và kỹ sư Vũ thế Ngọc, lại có các nhà văn Giao Chỉ, Võ Phiến, Nhuệ Hồng Nguyễn hữu Thống, cũng giáo sư Phạm Cao Dương.

Trong số các vị tham dự có học giả Đào Đăng Vỹ, giáo sư Tăng xuân An v.v...

MỘT CUỐN TRUYỆN CỦA HỌA SĨ

Trong giới bạn bè thân hữu, nhiều người biết họa sĩ Phạm Tăng vẫn làm thơ và làm thơ hay từ lâu. Nhưng thơ Phạm Tăng xuất hiện trên báo chí một cách .... ồ ạt là chuyện mới xảy ra gần đây, từ ngày VHNT ra đời.

Họa sĩ Võ Đình khoái văn chương, đó cũng là từ lâu. Nhưng truyện của Võ Đình tung ào ạt trên báo cũng là chuyện mới mẻ. Mới từ ngày VHNT ra mắt.

Tại sao giới cầm cọ hải ngoại bỗng công khai huỳ bút? Hiện tượng rồi hạ hồi sẽ có kẻ phân giải. Chỉ biết hiện thời nghe đâu Võ Đình đang có ý định cho in một tập đoản văn, và đã có hai nhà xuất bản ngấm nghé: Lá Bối ở Pháp, và Người Việt ở Mỹ.

Kể ra ở hải ngoại, từ trước đến nay, nói về việc xuất bản, các sách mới (chứ không phải tái bản sách cũ), thì ngoài hai nhà vừa rồi hình như cũng chẳng còn được mấy ai khác.

Rồi xem Võ Đình ngả về đâu.

MỘT LÁ THƯ NGỎ CỦA ... " TRÍ THỨC "

Trong một năm nay, ai nấy đều chứng kiến phản ứng hầu như nhất tề của giới trí thức Tây phương chống lại chế độ mới ở Việt nam : những triết gia cỡ J. P. Sartre, những văn hào cỡ Henry Miller, Eugene Ionesco v.v... đều lên án quyết liệt chính sách vô nhân đạo ở Việt nam. Dư luận thế giới hết sức nguy hại cho chính quyền cộng sản Hà nội.

Trước tình thế ấy, họ vội vã ra lệnh sáng tác và công bố một lá thư ngỏ " của trí thức Việt nam gửi bạn bè phương Tây ". Ký tên dưới lá thư ngỏ là những bậc trí thức như sau : đạo Kim Cương, phật tử Võ đình Trường, ni sư Huỳnh Liên, nhà báo Lý quí Chung, nhà báo danh tiếng Hồ ngọc Nhuận, cựu dân biểu Ngô công Đức v.v...

Những bậc trí thức ấy được lệnh phải chống chế cho chế độ mới, phải biện bạch về vụ di cư tị nạn lớn lao của " thuyền nhân " Việt nam. Các bậc trí thức ấy bèn nói với " bạn bè phương Tây " như sau : " Trong tất cả các thời đại tiếp theo các cuộc cách mạng là những cuộc di cư. "

Ớ kìa ! Cách mạng là làm cho xã hội tốt đẹp hơn, vậy hễ nơi nào làm cách mạng xong thì dân chúng các nước chưa cách mạng phải đổ xô chạy tới để xin chung hưởng, chứ tại sao lại nơi nào có cách mạng thì dân chúng lại chạy ? Trí thức nói thế khác nào chửi cách mạng, phỉ nhổ cách mạng !

Nếu sau cuộc cách mạng 1911 của Tôn Văn ở Trung hoa mà dân Tàu cũng rủ nhau chạy trốn theo tỉ lệ của người Việt đi tản sau 1975 thì chắc chắn Việt nam đã bị tràn ngập ngất ngư từ lâu, đâu còn tồi bây giờ !

Lẽ ra, các nhà trí thức Kim Cương, Huỳnh Liên v.v... , nên nói kỹ hơn : " Trong tất cả các thời đại tiếp theo các cuộc cách mạng của .... Hitler và của cộng sản là những cuộc di cư ".

VĂN HÓA Ở BA TƯ

Che do cua tu si Khomanei o Ba tu co nhung chinh sach van hóa khá ngộ nghĩnh.

Tháng trước, vị lãnh tụ đã kết án âm nhạc nặng nề , tỏ ý muốn cho phát thanh truyền hình v.v... đừng xài tới cái món nguy hiểm là âm nhạc nữa.

Vừa rồi, chế độ mới lại cấm chỉ một loạt 25 cơ sở ngôn luận. "Tiếp theo cuộc cách mạng" nầy, e rồi rốt cuộc dân cũng đến phải di cư.

HAI GIỜ CHO "THUYỀN NHÂN" VIỆT TRÊN TRUYỀN HÌNH MỸ

Đêm 19 tháng 8 – 1979 vừa qua, trên đài truyền hình KABC tại Los Angeles đã có một cuộc thảo luận dài đến hai tiếng đồng hồ, dành cho vấn đề thu nhận "thuyền nhân" Việt nam vào nước Mỹ.

Chương trình do ông Tom Hall chủ tọa, đặt vấn đề. Bên phía chống thu nhận thêm "thuyền nhân" là cựu giáo sư Garry Harding của trường đại học U. C. Santa Barbara. Về phía chủ trương thu nhận "thuyền nhân" là bác sĩ Hoàng văn Đức (tức văn hữu Hoàng Vũ Đức Vân).

Giáo sư Garry Harding viện những lý lẽ thuộc về xã hội, kinh tế để giới hạn việc tiếp nhận tị nạn. Bác sĩ Hoàng văn Đức đã lần lượt bác bỏ các luận cứ ấy, và cho rằng vì những lý do nhân đạo, tinh thần, chính trị, nước Mỹ cần tiếp nhận thêm.

Cuộc thảo luận tiếp diễn một cách hào hứng từ 12 giờ đêm đến 2 giờ sáng.

ĐIỆU VŨ ... DI TẢN

Đã có khá nhiều vũ viên tài danh của Nga xô (Nureyev, Baryshnikov, Natalia Makarova v.v...) bỏ xứ, bỏ đảng đi tìm tự do. Nhưng lần nầy là một trường hợp chấn động: Godunov, 29 tuổi, là ngôi sao thượng thặng của đoàn vũ ballet 125 người, là niềm hãnh diện của Nga xô, Godunov ấy vừa bỏ đoàn vũ đang trình diễn tại Nữu ước để xin tị nạn ở Mỹ ("Tất cả các thời đại ...", xin nhớ lời trí thức Kim Cương.)

Tuổi của Godunov chưa bằng nửa số tuổi của Cách mạng Nga; anh ta là sản phẩm thuần túy của cộng sản chủ nghĩa.

MỘT TRIẾT GIA RA ĐI

Cuối tháng 7 – 79 vừa qua, Herbert Marcuse đã chết ở Tây Đức.

Ngành triết không được trọng dụng mấy ở Mỹ, nhưng Herbert Marcuse, nhà triết học lừng lẫy khắp hoàn cầu trong thập niên 60, được giới sinh viên nổi loạn xưng tụng lên tới mây xanh, lại là một triết gia Mỹ, giáo sư viện đại học San Diego.

Lập trường tả khuynh nổi loạn của ông Herbert Marcuse khiến dân Mỹ bất bình, phản đối dữ dội (có kẻ hăm dọa ném bom vào lớp). Rốt cuộc Herbert Marcuse " được " nghỉ dạy.

Nhưng không sao: triết gia bèn cưới một cô đệ tử trẻ măng, sống lai rai vui vẻ cho đến 81 tuổi, rồi mới chịu gục trong chuyến chu du Tây Đức trong một chương trình diễn thuyết.

MỘT NHÀ VĂN KHÔNG CÒN

James T. Farrell, tác giả bộ Studs Lonigan và hơn 40 tác phẩm khác, vừa giật giải thưởng Emerson Thoreau hồi tháng 4 – 1979 thì tháng 8 – 79 đã mất vì một cơn đau tim.

James T. Farrell chuyên viết về người Mỹ gốc Ái-nhĩ-lan. Bộ sách nổi tiếng nhất của ông đã từng có bị làm khó dễ vì chống Công giáo và vì ông chịu khó tả rất tỉ mỉ về các mặn tình dục.

Hồi 1983, ông về Ái-nhĩ-lan, có một ông bạn đã giới thiệu: Tôi xin hân hạnh giới thiệu nhà văn Farrell: ông đã hoàn tất một cuốn truyện vĩ đại mà chắc qúi vị không dám đọc đâu, vì sợ mất linh hồn. Bốn mười năm sau, tác giả Lonigan mất luôn cả thể xác.

ĐÊM THƠ Ở HOUSTON

Nhà thơ Huy Lực vừa tổ chức một đêm thơ tưởng nhớ quê hương tại Houston. Mục đích của đêm thơ là để trình bầy cho mọi người thấy " một cách thưởng thức cuộc sống đầy tính cách văn hóa, dân tộc, nồng nàn tình tự quê hương " thay vì chỉ thích nhậu nhẹt, khiêu vũ ...

Đêm thơ kéo dài từ 19 giờ đến 24 giờ đêm 21 tháng 7 vừa qua. Nhiều giọng ngâm mới và đặc biệt Cô Mai Thi mới trốn thoát Việt nam đã gây xúc động người nghe ngây ngất. Ngoài ra còn mục cầu nguyện Đức Tổ Hùng Vương; bói Kiều tặng sách... Cuộc vui kết thúc khi ông Chủ tịch Hội Phật Giáo Houston ca ngợi đêm thơ đầy ý nghĩa này và kêu gọi mọi người kết hợp để nhiệt tình ủng hộ các nhà văn, nhà thơ trong công-việc hoạt động văn hóa, xuất bản sách báo của họ.

Lời Giã Biệt

Đầu năm ngoái, trước một nhu cầu của cộng đồng Việt Kiều chúng tôi cố gắng cho ra tờ tạp chí văn nghệ. Bấy giờ, nhu cầu vẫn còn đó, tuồng còn khẩn thiết hơn. Mặt khác, vạn nẻo thường khó lúc đầu: tờ báo đã ra được mười ba số, sao không thể ra luôn đến 130 số?

Lẽ ra thì thế. Thực tình mà nói, các điều kiện khách quan ngày một thuận: số bạn đọc đông hơn, số người viết nhiều hơn buổi đầu, công việc đã có nề nếp...

Cái không thuận thuộc về chủ quan: đây không phải là chuyện sự sống của tờ báo mà sự sống của người làm báo. Trước chúng tôi vẫn nghĩ có thể hạn chế các nhu cầu vật chất của riêng mình để dành thì giờ cho một vài công việc hữu ích đối với cộng đồng. Dần dần cuộc sống đắt đỏ không cho phép như thế. Rồi vì bận rộn mưu sinh chúng tôi đã để cho số báo trước chậm trễ quá nhiều, đến số này lại càng trễ hơn nữa. Tình trạng không thể tha thứ được, rốt cuộc đành có lời giã biệt hôm nay.

Mười ba số báo, thật vô nghĩa đối với lịch sử báo chí, văn học. Dù vậy, một cuộc kiểm điểm sơ lược cũng cho thấy, trước khi VHNT ra đời có những cây bút chưa từng

xuất hiện trên văn đàn mà bây giờ đã trở nên quen thuộc đối với độc giả hải ngoại. Trong số ấy dăm ba người chứng tỏ một tài năng hiện hiển, vững vàng, đầy triển vọng. Các văn tài ấy được phát huy trước một khối độc giả đầy nhiệt tình, không ngớt thu từ săn đón, cổ vũ.

Nghĩ đến những văn hữu ấy và độc giả ấy, chúng tôi lấy làm bùi ngùi. Ở quê nhà, trong sinh hoạt văn học nhộn nhịp, một tờ báo ra đời hay qua đời là chuyện thường. Nhưng ở xứ người, nơi kẻ đọc người viết, những bạn văn nghệ với nhau không được bao nhiêu, và vì thế càng gắn bó, thì một dịp như thế này thật là buồn bã. Gần như một phản bội về phía chúng tôi.

" Phản bội", chúng tôi xin nhận tội. Và trong dịp giã biệt này, chúng tôi hết lòng cảm tạ các vị ân nhân cũng bằng hữu xa gần đã giúp đỡ bấy lâu (hoặc bằng tiền bạc, hoặc bằng công lao cổ động phát hành, hoặc bằng sự đóng góp bài vở, bằng lời khích lệ v.v...), cảm tạ các văn hữu và độc giả đã nuôi dưỡng tờ báo trong thời gian qua.

VÕ PHIẾN
và Tòa soạn VHNT

** Ban Quản lý sẽ liên lạc với từng độc giả để hoàn lại các ngân khoản còn thừa.*

** Quí vị muốn mua các số báo cũ có thể tiếp xúc với ban Quản lý tại địa chỉ cũ.*

VĂN HÓA PHẨM MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

TỤC NGỮ CA DAO VÀ DÂN CA của Bảo Văn, do Quê Hương xuất bản. Sách dày 300 trang, giá 15 đồng. Mua sách, xin liên lạc về địa chỉ: Ông Bùi văn Bảo , 15 Rochdale Avenue. Toronto. Canada. M5E–1W9

ĐỂ HIỂU PHẬT GIÁO HÒA HẢO của Thanh Sĩ và Vương Kim, do Long Hoa xuất bản. Sách dày 240 trang, ấn tống miễn phí.

SẤM GIẢNG ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ. Sách dày 164 trang , do văn phòng Phật giáo Hòa Hảo hải ngoại ấn tống miễn phí.

Muốn nhận được hai tác phẩm vừa nói, xin liên lạc với Văn phòng Phật giáo Hòa Hảo, P.O.Box 3048 Santa Fe Springs, CA 90670.

HÁT CHO NGƯỜI VƯỢT BIỂN Băng nhạc do Gia đình Quê Mẹ và Ủy ban Cứu Người Vượt Biển thực hiện với các sáng tác mới của Phạm Duy, Duy Quang, Trần quang Hải, Bạch Yến, Julie Quang, Pauline Ngọc, Hương La, HữuPhước, Chí Tâm. Địa chỉ liên lạc: Quê mẹ , 25 rue Jaffeux 92230 Gennevilliers France .Giá 6$ US

Chúng tôi xin trân trọng các tác giả, nhà phát hành và giới thiệu cùng quí vị độc giả.

V.H.N.T.

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin

bạn PHAN NGÔ

Trưởng Nam của Sử gia PHAN KHOANG

và bào huynh của văn hữu ĐẶNG KHOA

đã thất lộc tại Mountain view

vào ngày 19 tháng 8 năm 1979.

Chúng tôi thành thực đau buồn và cầu chúc vong hồn bạn PHAN NGÔ sớm tiêu diêu miền cực lạc.

VÕ PHIẾN

Cùng Tòa soạn VHNT.

và Trần-Thế-Khiêm.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O. BOX 486
WESTMINSTER, CA. 92683 USA.

INK PROPS

(Tức cuốn "*NHỮNG GIỌT MỰC*")
của nhà văn LÊ-TẤT-ĐIỀU
bản Anh văn của JAMES BANERIAN
Đã phát hành. Giá : $5.00

xin liên lạc với :

Ông LÊ SÁNG NGHIỆP
P.O. Box 19555,
San Diego, Calif. 92119

GIÁ : 2.00